

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Thị Huyền

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI HUY
DŨNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên: Bùi Thị Huyền

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Thị Huyền

Mã SV: 1213401138

Lớp: QTL603K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty
TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Hệ thống hoá lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.
 - Mô tả thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu kế toán năm 2013 của Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Mai Linh**

Học hàm, học vị: Thạc sỹ QTKD

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Người hướng dẫn

Bùi Thị Huyền

Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

- Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

- Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã đi sâu mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng, có số liệu minh họa cụ thể (tháng 12 năm 2013). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ sách kế toán có tính logic và chính xác cao.

- Chương 3, tác giả đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	2
1.1.2. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	3
1.1.2.1. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	3
1.1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu.....	4
1.1.3. Khái niệm và đặc điểm nguyên vật liệu.....	4
1.1.4. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu.....	5
1.1.4.1. Phân loại nguyên vật liệu.....	5
1.1.4.2. Tính giá nguyên vật liệu.....	6
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	8
1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	8
1.2.1.1. Phương pháp ghi thẻ song song.....	8
1.2.1.2. Phương pháp sổ số dư.....	9
1.2.1.3. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	10
1.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.....	12
1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	12
1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	15
1.2.2.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....	16
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	18
1.3.1. Hình thức nhật ký chung.....	18
1.3.2. Hình thức nhật ký sổ cái.....	20
1.3.3. Hình thức nhật ký chứng từ.....	21
1.3.4. Hình thức chứng từ ghi sổ.....	22
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI HUY DŨNG	24
2.1 Giới thiệu chung về Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng ...	24

2.1.1. Quá trình hình thành và đặc điểm Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng	24
2.1.2 Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty	24
2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng	26
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán ở Công ty	26
2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty	27
2.1.3.3. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán	28
2.1.3.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán.....	28
2.1.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính	29
2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.....	29
2.2.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại Công ty	29
2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu tại Công ty	30
2.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty.....	31
2.2.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu	46
2.2.4.1. Chứng từ sử dụng	46
2.2.4.2. Tài khoản sử dụng:.....	46
2.2.4.3 Qui trình hạch toán.....	46
CHƯƠNG 3 :MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI HUY DŨNG.....	58
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.....	58
3.1.1 Những ưu điểm đạt được:.....	58
3.1.2. Những khó khăn tồn tại:.....	59
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng	60
3.2.1. Hoàn thiện công tác phân loại nguyên vật liệu và xây dựng sổ danh điểm nguyên vật liệu.	60
3.2.2. Hoàn thiện về chứng từ kế toán	63
3.2.3. Hiện đại hóa công tác kế toán	65
3.2.4.Hoàn thiện việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	69
3.2.5 Xử lý phế liệu thu hồi.....	71
KẾT LUẬN	72

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm qua vừa qua, xây dựng cơ bản đã và đang trở thành ngành sản xuất vật chất quan trọng đóng góp rất lớn vào sự phát triển của nền kinh tế quốc dân và là tiền đề kinh tế vật chất cho xã hội. Ngày nay trong điều kiện nền kinh tế ngày càng phát triển ngành xây dựng hơn bao giờ hết lại chiếm một vị trí vô cùng quan trọng trong việc tạo dựng và phát triển cơ sở hạ tầng của đất nước.

Chính vì vậy là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng luôn luôn đặt việc tổ chức quản lý nguyên vật liệu lên hàng đầu. Từ khâu tìm kiếm khách hàng, tìm kiếm nguồn hàng, dự trữ và bảo quản nguyên vật liệu đến khâu tiêu thụ nguyên vật liệu đều có xây dựng kế hoạch cụ thể.

Muốn vậy công tác kế toán với tư cách là công cụ quản lý phải ngày càng được củng cố và hoàn thiện nhằm mục tiêu giảm chi phí nguyên vật liệu từ đó hạ thấp giá thành sản xuất. Từ kế toán mua hàng, thủ kho đều phải có sự kết hợp chặt chẽ với nhau, tạo ra một hệ thống quản lý có hiệu quả để mang lại kết quả hoạt động tốt nhất cho công ty.

Nhận thức được điều đó, trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng em đã có cơ hội tìm hiểu về hệ thống quản lý chung và hệ thống kế toán nói riêng của công ty, các phần hành kế toán, các phương pháp kế toán mà công ty đang áp dụng. Và được sự chỉ bảo tận tình của các cô chú, anh chị trong Công ty, đặc biệt phòng kế toán, cùng với sự hướng dẫn của Thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh em đã lựa chọn đề tài “ **Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng** ” cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Nội dung khóa luận bao gồm 3 phần chính như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Chi phí về các loại nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất. Do vậy, tăng cường công tác quản lý nguyên vật liệu đảm bảo cho việc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả vật liệu nhằm hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có ý nghĩa rất quan trọng.

Nguyên vật liệu là yếu tố không thể thiếu được trong quá trình sản xuất sản phẩm, tình hình sản xuất chịu ảnh hưởng rất lớn từ việc cung cấp nguyên vật liệu. Không có vật liệu thì không có quá trình sản xuất nào có thể thực hiện được. Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá thành phẩm. Vì vậy nguyên vật liệu không chỉ quyết định đến mặt số lượng của sản phẩm mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản phẩm. Nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng cao, đúng quy định, chủng loại thì chất lượng sản phẩm sản xuất mới đạt yêu cầu, phục vụ đắc lực hơn cho nhu cầu tiêu dùng xã hội.

Xuất phát từ vai trò, đặc điểm của vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh, đòi hỏi phải quản lý vật liệu ở mọi khâu từ khâu mua, bảo quản đến khâu dự trữ NVL là tài sản dự trữ sản xuất thường xuyên biến động các doanh nghiệp phải thường xuyên tiến hành mua NVL để đáp ứng kịp thời cho quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm phục vụ cho nhu cầu quản lý khác của doanh nghiệp. Quản lý NVL là một công việc quan trọng đối với bất cứ doanh nghiệp nào. Quản lý tốt NVL hạn chế được những mất mát hư hỏng, giảm bớt được thiệt hại rủi ro. Ngoài ra cũng là điều kiện để xác định hiệu quả kinh doanh.

Kế toán nguyên vật liệu có vai trò vô cùng quan trọng trong các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp sản xuất nói riêng. Công việc này không mấy dễ dàng, nó phải có sự phối hợp giữa nhiều bộ phận như phòng kế toán, các kế toán phân xưởng và các kho. Tầm quan trọng của kế toán thể hiện ở chỗ nó là một bộ phận không thể thiếu trong toàn bộ công tác kế toán, cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết cho việc lập kế hoạch thu mua nguyên vật liệu. Việc hoàn thiện công tác kế toán là cần thiết cho mỗi doanh nghiệp. Nó sẽ tạo cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả, đồng thời nó có thể giúp

doanh nghiệp quản lý tốt hơn hoạt động chủ yếu của mình đảm bảo làm ăn có lãi, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, với người lao động và nâng cao đời sống công nhân viên.

1.1.2 Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.1.2.1. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Quản lý NVL đóng vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh thương mại. Xã hội càng phát triển khối lượng NVL càng nhiều, chủng loại càng đa dạng và phong phú. Ở nước ta, NVL được sản xuất ở nhiều nơi với trình độ kỹ thuật khác nhau nên chất lượng, số lượng, kích cỡ khác nhau.

Xuất phát từ vai trò, đặc điểm của NVL trong quá trình sản xuất việc quản lý NVL phải đòi hỏi chặt chẽ ở tất cả các khâu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng. Cụ thể :

- **Khâu thu mua:** Để đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh được tiến hành bình thường, doanh nghiệp phải đảm bảo cho nguyên vật liệu được thu mua đủ khối lượng đúng quy cách chủng loại. Kế hoạch thu mua đúng tiến độ phù hợp với quá trình sản xuất của doanh nghiệp. Đồng thời doanh nghiệp phải thường xuyên tiến hành phân tích, đánh giá tình hình thực hiện thu mua để từ đó chọn được nguồn thu mua đảm bảo được về số lượng, chất lượng, giá cả và chi phí thu mua thấp nhất.

- **Khâu bảo quản:** Tổ chức tốt NVL phải quan tâm tới việc tổ chức tốt kho tàng bền bãi, trang bị đầy đủ các phương tiện cân đo kiểm tra, thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng NVL, tránh hư hỏng mất mát, hao hụt, đảm bảo an toàn là một trong những yêu cầu quản lý NVL

- **Khâu dự trữ:** Thúc đẩy nhanh quá trình chuyển hóa của NVL, hạn chế NVL bị ứ đọng, rút ngắn chu kỳ sản xuất kinh doanh là một đòi hỏi với khâu dự trữ. Do đó doanh nghiệp phải xây dựng định mức tối đa và định mức dự trữ tối thiểu cho từng loại NVL để đảm bảo cho quá trình sản xuất không bị đình trệ, gián đoạn do việc cung cấp, thu mua không kịp thời hoặc gây ra tình trạng ứ đọng vốn do dự trữ quá nhiều.

- **Khâu sử dụng:** Quản lý ở khâu sử dụng phải thực hiện hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở định mức, dự toán chi phí nhằm hạ thấp chi phí, tiêu hao NVL trong giá thành sản phẩm, tăng tích lũy cho doanh nghiệp. Do vậy, ở khâu này cần tổ chức ghi chép tốt quá trình xuất dùng và sử dụng NVL trong quá trình sản xuất.

Như vậy công tác quản lý nguyên vật liệu rất quan trọng trong thực tế vậy để quản lý tốt NVL doanh nghiệp luôn phải cải tiến công tác NVL cho phù hợp với thực tế.

1.1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu

Trong nền kinh tế thị trường, các đơn vị kinh doanh có thể tồn tại và phát triển được thì luôn phải bám sát tình hình thị trường để tiến hành hoạt động kinh doanh của mình có hiệu quả. Để cung cấp thông tin hữu hiệu cho nhà quản trị ra quyết định thì công tác kế toán luôn phải được cập nhật nhanh chóng, chính xác. Trong doanh nghiệp công tác kế toán nguyên vật liệu đóng vai trò rất quan trọng ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của công ty. Để cung cấp cho nhà quản trị mạng một cách chính xác thì công tác kế toán nguyên vật liệu của doanh nghiệp phải được thực hiện như sau:

- Phản ánh kịp thời, chính xác tình hình nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu về cả số lượng, chất lượng, giá cả, tình hình bảo quản nguyên vật liệu dự trữ. Phản ánh đầy đủ nghiệp vụ mua bán nguyên vật liệu.

- Quản lý chặt chẽ tình hình biến động và dự trữ nguyên vật liệu, phát hiện xử lý kịp thời những nguyên vật liệu giảm chất lượng, giá cả và khó tiêu thụ

- Tổ chức tốt nghiệp vụ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, luôn luôn kiểm tra tình hình ghi chép ở các kho quầy hàng. Thực hiện tốt chế độ kiểm tra đối chiếu sổ sách ghi chép và kết quả kiểm tra nguyên vật liệu ở các kho và phân xưởng.

- Kiểm tra tình hình kế hoạch về mua vật liệu, kế hoạch sử dụng vật liệu cho sản xuất và bán hàng.

1.1.3 Khái niệm và đặc điểm nguyên vật liệu

Theo chuẩn mực số 02 – Hàng tồn kho (Ban hành theo QĐ 149/2001/QĐ – BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001) hàng tồn kho là những tài sản sau:

- Được giữ để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường
- Đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ được sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

Như vậy nguyên vật liệu là một trong bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm được sản xuất và được thể hiện dưới dạng vật hoá như: hạt nhựa trong doanh nghiệp sản xuất đồ nhựa, vải trong doanh nghiệp may mặc, sắt thép trong doanh nghiệp cơ khí...

Khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên vật liệu có những đặc điểm sau:

+ Về mặt hiện vật: Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh nhất định. Khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh dưới tác động của lao động và tư liệu lao động nguyên vật liệu sẽ bị tiêu hao toàn bộ hoặc thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo thành thực thể của sản phẩm.

+ Về mặt giá trị: Khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, giá trị của nguyên vật liệu được chuyển dịch một lần toàn bộ vào giá trị sản phẩm mới tạo ra. Như vậy xét trên phương diện giá trị và hiện vật, nguyên vật liệu là một trong những yếu tố không thể thiếu của bất cứ quá trình sản xuất kinh doanh nào. Dưới hình thái hiện, nó biểu hiện là một bộ phận quan trọng của sản phẩm lao động. Còn dưới hai hình thái giá trị, nó là thành phần quan trọng của vốn lưu động.

1.1.4. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu

1.1.4.1. Phân loại nguyên vật liệu

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp phải sử dụng rất nhiều loại, thứ nguyên vật liệu khác nhau với nội dung kinh tế, công dụng, tính năng lý hóa khác nhau. Khi tổ chức hoạch toán chi tiết cho từng nguyên vật liệu cho kế toán quản trị doanh nghiệp cần tiến hành phân loại NVL. Phân loại nguyên vật liệu là việc phân chia nguyên vật liệu thành các loại các nhóm theo tiêu thức phân loại nhất định.

➤ Căn cứ vào công dụng của nguyên vật liệu được chia các loại sau:

- **Nguyên vật liệu chính:** Là đối tượng cấu thành nên thực thể chính của sản phẩm được sản xuất ra như xi măng, gạch, sắt thép... ở các doanh nghiệp xây dựng. Nửa thành phẩm mua ngoài là đối tượng được sử dụng với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất ra sản phẩm.

- **Vật liệu phụ:** Là những vật liệu khi sử dụng có tác dụng phụ làm tăng chất lượng sản phẩm, hoàn chỉnh sản phẩm hoặc đảm bảo cho các công cụ, dụng cụ được hoạt động bình thường như vôi, ve, đinh...

- **Nhiên liệu:** Là những loại vật liệu có tác dụng cung cấp năng lượng trong quá trình sản xuất như xăng, dầu... phục vụ cho phương tiện vận tải.

- **Phụ tùng thay thế:** là những loại vật tư, phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa những máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải....

- **Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản:** Bao gồm những vật liệu, thiết bị, công cụ, khí cụ, vật kết cấu dùng cho công tác xây dựng cơ bản.

- **Vật liệu khác:** Là những loại vật liệu chưa được sắp xếp vào những loại vật liệu trên thường là những loại vật liệu được loại ra từ quá trình sản xuất như sắt, thép, gỗ vụn hay phế liệu thu hồi được từ việc thanh lý tài sản cố định.

➤ **Phân loại theo nguồn hình thành gồm có:**

- **Vật liệu tự chế biến, thuê gia công:** là vật liệu doanh nghiệp tự tạo ra để phục vụ cho nhu cầu sản xuất.

- **Vật liệu mua ngoài:** là loại vật liệu doanh nghiệp không tự sản xuất mà do mua ngoài thị trường trong nước hoặc nhập khẩu.

- **Vật liệu khác:** là loại vật liệu hình thành do được cấp phát, biếu tặng, góp vốn liên doanh.

➤ **Phân loại theo mục đích sử dụng gồm có:**

- **Vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm.**

- **Vật liệu dùng cho nhu cầu khác:** phục vụ cho sản xuất chung, cho nhu cầu bán hàng, cho quản lý doanh nghiệp

1.1.4.2. Tính giá nguyên vật liệu

➤ **Tính giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho**

Theo chuẩn mực kế toán số 2 hàng tồn kho phải được tính theo nguyên tắc giá gốc. Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho được xác định theo từng nguồn nhập.

- Đối với nguyên vật liệu mua ngoài nhập kho thì giá thực tế bao gồm:

$$\begin{array}{r} \text{Giá trị} \\ \text{thực tế} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá mua} \\ \text{ghi trên} \\ \text{hóa đơn} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{thu} \\ \text{mua} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Các khoản thuế} \\ \text{không được} \\ \text{hoàn lại} \end{array} - \begin{array}{r} \text{CKTM} \\ \text{Giảm giá} \\ \text{hàng mua} \end{array}$$

Trong đó:

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá mua ghi trên hóa đơn của nguyên vật liệu là giá chưa có thuế GTGT đầu vào.

+ Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì giá mua ghi trên hóa đơn bao gồm cả thuế GTGT đầu vào.

- Đối với nguyên liệu, vật liệu tự chế biến :

$$\begin{array}{r} \text{Giá trị thực tế} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá thành sản} \\ \text{xuất vật liệu} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{chế biến} \end{array}$$

- Đối với nguyên, vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến :

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{thực tế} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{vật liệu xuất} \\ \text{thuê ngoài} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thuê ngoài} \\ \text{gia công} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển (nếu có)} \end{array}$$

- Đối với vật tư nhận góp vốn liên doanh:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{thực tế} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị vốn góp do} \\ \text{hội đồng định giá} \\ \text{đánh giá} \end{array}$$

- Đối với vật tư do được biếu tặng, tài trợ: Trị giá vốn thực tế nhập kho là giá trị hợp lý cộng với các chi phí khác phát sinh.

➤ **Giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho:**

Khi xuất kho nguyên vật liệu kế toán phải vận dụng một trong các phương pháp tính giá thực tế xuất kho sau:

- Phương pháp nhập trước xuất trước(FIFO)
- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)
- Phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp thực tế đích danh

Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những hàng nhập sau cùng.

Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập sau sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên.

Phương pháp bình quân gia quyền

- ✓ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

Theo phương pháp này đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của vật liệu xuất kho. Trị giá vốn thực tế vật liệu xuất kho được tính căn cứ số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{vật liệu xuất} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{vật liệu} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \\ \text{gia quyền} \end{array}$$

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế vật liệu nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng vật liệu nhập trong kỳ}}$$

✓ Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn

Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập sản phẩm, hàng hóa, vật tư, kế toán phải xác định lại giá trị thực tế của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng nguyên vật liệu thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

✓ Phương pháp giá thực tế đích danh

Theo phương pháp này, khi xuất kho vật liệu thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính trị giá vốn thực tế của vật liệu xuất kho. Phương pháp này áp dụng cho doanh nghiệp có chủng loại vật tư ít và nhận diện được từng lô.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.2.1 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

1.2.1.1. Phương pháp ghi thẻ song song

- Ở kho: Thủ kho sử dụng “Thẻ kho” để ghi chép tình hình nhập – xuất – tồn kho của từng loại vật tư ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng. Hàng ngày ghi nhận được chứng từ nhập – xuất vật tư, thủ kho tiến hành kiểm tra hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi ghi số số thực nhập, thực xuất vào “Thẻ kho” trên cơ sở các chứng từ đó (mở theo từng danh điểm trong từng kho). Cuối tháng, thủ kho tính ra tổng số nhập – xuất và số tồn cuối kỳ của từng loại hàng hóa trên “Thẻ kho” và đối chiếu số liệu với “Sổ kế toán chi tiết hàng hóa”

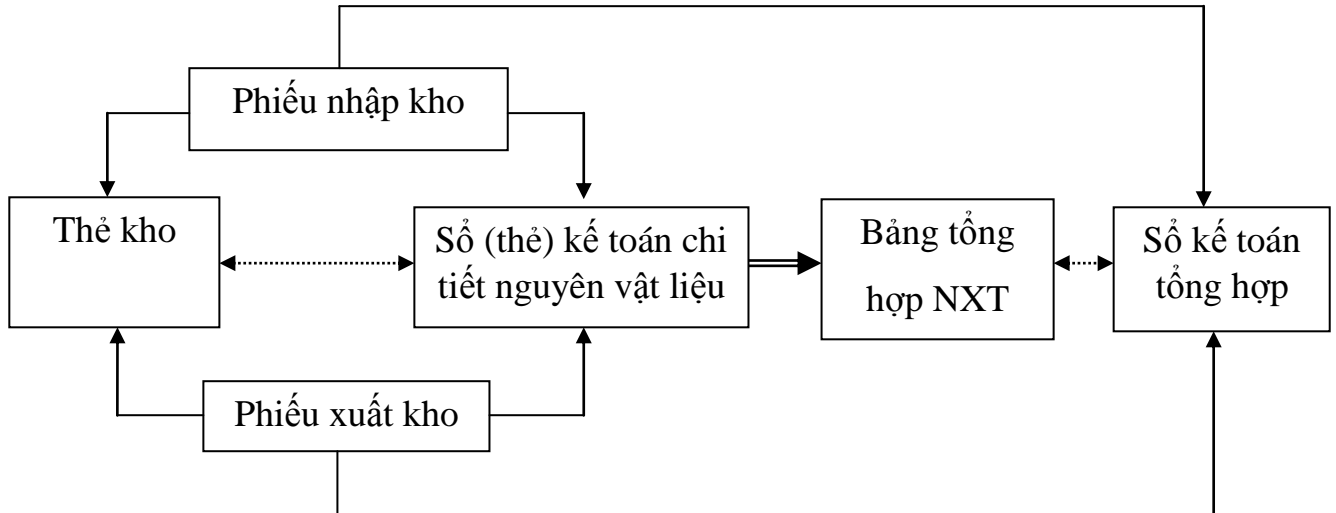
- Ở phòng kế toán: Khi nhận được chứng từ từ kho chuyển lên, kế toán thực hiện kiểm tra tính chính xác, hợp lý, hợp pháp của chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ sau đó tiến hành ghi thẻ hay sổ kế toán chi tiết rồi từ đó lập bảng tổng hợp nhập - xuất – tồn

- Ưu điểm của phương pháp này: việc ghi sổ, thẻ đơn giản, rõ ràng, dễ kiểm tra đối chiếu và phát hiện sai sót.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Nhược điểm: Ghi chép còn trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, khối lượng công việc ghi chép còn quá lớn.

- Phạm vi áp dụng: chỉ áp dụng với những doanh nghiệp có chủng loại mặt hàng ít, tình hình xuất không thường xuyên.



Sơ đồ 1.1: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp thẻ song song

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Kiểm tra, đối chiếu: \longleftrightarrow

1.2.2.2. Phương pháp sổ số dư

-Tại kho: Thủ kho vẫn sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn. Ngoài ra cuối tháng thủ kho còn phải ghi số lượng tồn kho trên thẻ kho vào sổ số dư.

-Tại phòng kế toán: định kỳ 5 đến 10 ngày, kế toán ghi nhận chứng từ do thủ kho chuyển đến, có lập phiếu giao nhận chứng từ. Căn cứ vào đó, kế toán lập bảng lũy kế nhập xuất tồn cuối kỳ tiến hành tính tiền trên sổ số dư do thủ kho chuyển đến và đối chiếu tồn kho từng hàng hóa trên sổ số dư với bảng lũy kế nhập xuất tồn.

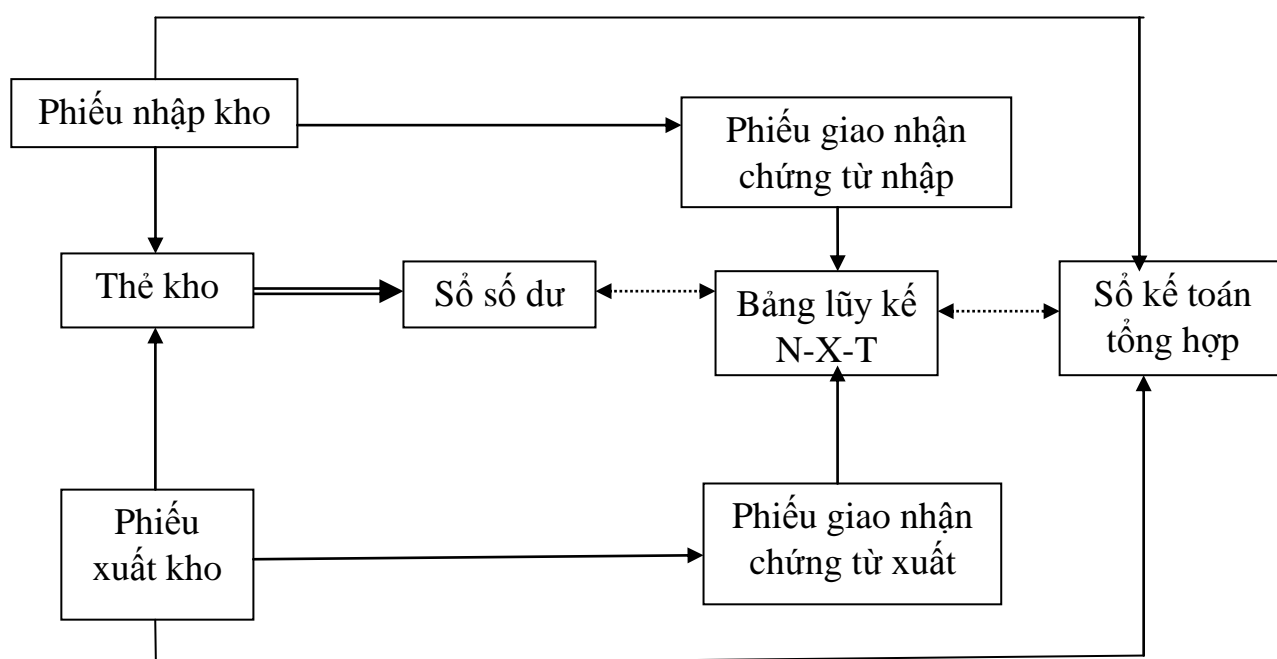
- Ưu điểm: phương pháp này tránh được việc ghi chép trùng lặp và dàn đều công việc ghi sổ trong kỳ nên không bị dồn công việc vào cuối kỳ, tạo điều kiện cung cấp kịp thời thông tin phục vụ công tác lãnh đạo và quản lý doanh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

nghiệp thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát thường xuyên, đảm bảo tính chính xác của tài liệu, nâng cao chất lượng công tác kế toán.

- Nhược điểm: Do kế toán ghi chỉ tiêu giá trị nên số liệu kế toán không cho phép theo dõi sự biến động của vật tư, mặt khác đối chiếu, kiểm tra số liệu ở sổ theo dõi sự biến động của vật tư, mặt khác khi đối chiếu, kiểm tra số liệu sổ dư và bảng kê tổng hợp nhập xuất tồn kho nguyên vật liệu không khớp thì việc tìm ra sai sót sẽ gặp khó khăn, tốn công sức.

- Phạm vi áp dụng: Phương pháp này áp dụng với các doanh nghiệp có nhiều mặt hàng và việc nhập, xuất diễn ra thường xuyên, trình độ nghiệp vụ kế toán tương đối tốt.



Sơ đồ 1.2 :Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ dư

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Kiểm tra, đối chiếu: \longleftrightarrow

1.2.2.3: Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- Tại kho: thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép phản ánh hàng ngày tình hình biến động của nguyên vật liệu giống như phương pháp thẻ song song.

- Tại phòng kế toán: kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển nguyên vật liệu theo từng kho, sổ này được mở cho cả năm, mỗi mặt hàng ở từng kho được kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ, sắp xếp, phân loại

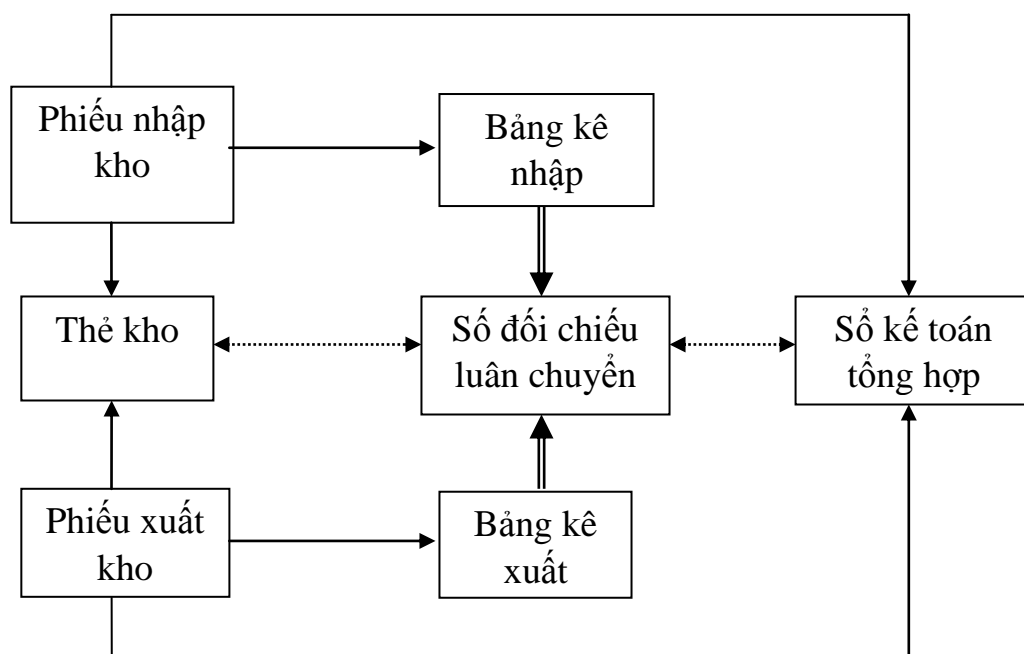
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

chứng từ, cuối tháng tổng hợp số liệu trên bảng kê về số lượng và giá trị từng mặt hàng để ghi vào sổ đối chiếu với số liệu trên thẻ kho và số liệu ở sổ kế toán tổng hợp.

- Ưu điểm: tiết kiệm công sức lập sổ kế toán so với phương pháp thẻ song song, giảm nhẹ khối lượng ghi chép của kế toán, tránh việc ghi chép trùng lặp.

- Nhược điểm: Khó kiểm tra, đối chiếu, khó phát hiện sai sót và dồn công việc vào cuối kỳ nên hạn chế chức năng kiểm tra thường xuyên, liên tục, hơn nữa còn ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện các khâu kế toán khác.

- Phạm vi áp dụng: phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều loại mặt hàng nhưng số lượng chứng từ nhập xuất tồn không nhiều, không có điều kiện bố trí riêng từng loại nhân viên kế toán chi tiết vật tư, hàng hóa để theo dõi tình hình nhập xuất tồn hàng ngày.



Sơ đồ 1.3: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Kiểm tra, đối chiếu: \longleftrightarrow

1.2.2 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Kế toán tổng hợp là việc sử dụng các tài khoản kế toán để phản ánh, kiểm tra và giám sát các đối tượng kế toán ở dạng tổng quát. Kế toán tổng hợp có vị trí hết sức quan trọng vì ngoài mặt phản ánh biến động về mặt giá trị của nguyên vật liệu, còn cho thấy mối liên hệ tương quan giữa các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính, là cơ sở để phân tích tình hình tài chính, hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp.

Nguyên vật liệu là tài sản lưu động của doanh nghiệp và được nhập, xuất kho thường xuyên. Tuy nhiên tùy theo đặc điểm của nguyên vật liệu của doanh nghiệp mà doanh nghiệp có phương pháp kiểm kê theo phương pháp kê khai thường xuyên hay phương pháp kiểm kê định kỳ.

1.2.2.1 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

❖ Đặc điểm

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi phản ánh thường xuyên liên tục có hệ thống tình hình nhập xuất tồn kho vật tư trên sổ sách kế toán. Việc tính toán xác định giá trị vốn của nguyên vật liệu xuất kho được dựa trên các chứng từ xuất kho.

Sau mỗi nghiệp vụ tăng, giảm hàng tồn kho kế toán xác định được giá tồn kho giao ngay.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Biên bản kiểm kê
- Hóa đơn bán hàng
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, hàng hóa

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản 152- Nguyên vật liệu

- Nội dung: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các loại vật tư của doanh nghiệp bao gồm vật tư tại các kho hàng.

Kết cấu TK 152

Bên nợ:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác.

- Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên có:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến, hoặc đưa đi góp vốn.

- Trị giá nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua.

- Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng.

- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê.

- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên Nợ:

- Trị giá mua vào của nguyên vật liệu tồn kho

- Chi phí thu mua của nguyên vật liệu tồn kho

Tài khoản 152- Nguyên vật liệu, có 6 tài khoản cấp 2:

-TK1521: Nguyên vật liệu chính

-TK 1522: Vật liệu phụ

-TK 1523: Nhiên liệu

-TK 1524: Phụ tùng thay thế

-TK 1525: Thiết bị xây dựng cơ bản

-TK 1528: Vật liệu khác

Tài khoản 151- hàng mua đang đi đường

Nội dung: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu mà doanh nghiệp đã mua chưa về nhập kho doanh nghiệp và tình hình hàng đang đi đường đã về nhập kho.

Bên Nợ:

- Trị giá nguyên vật liệu đã mua nhưng chưa về

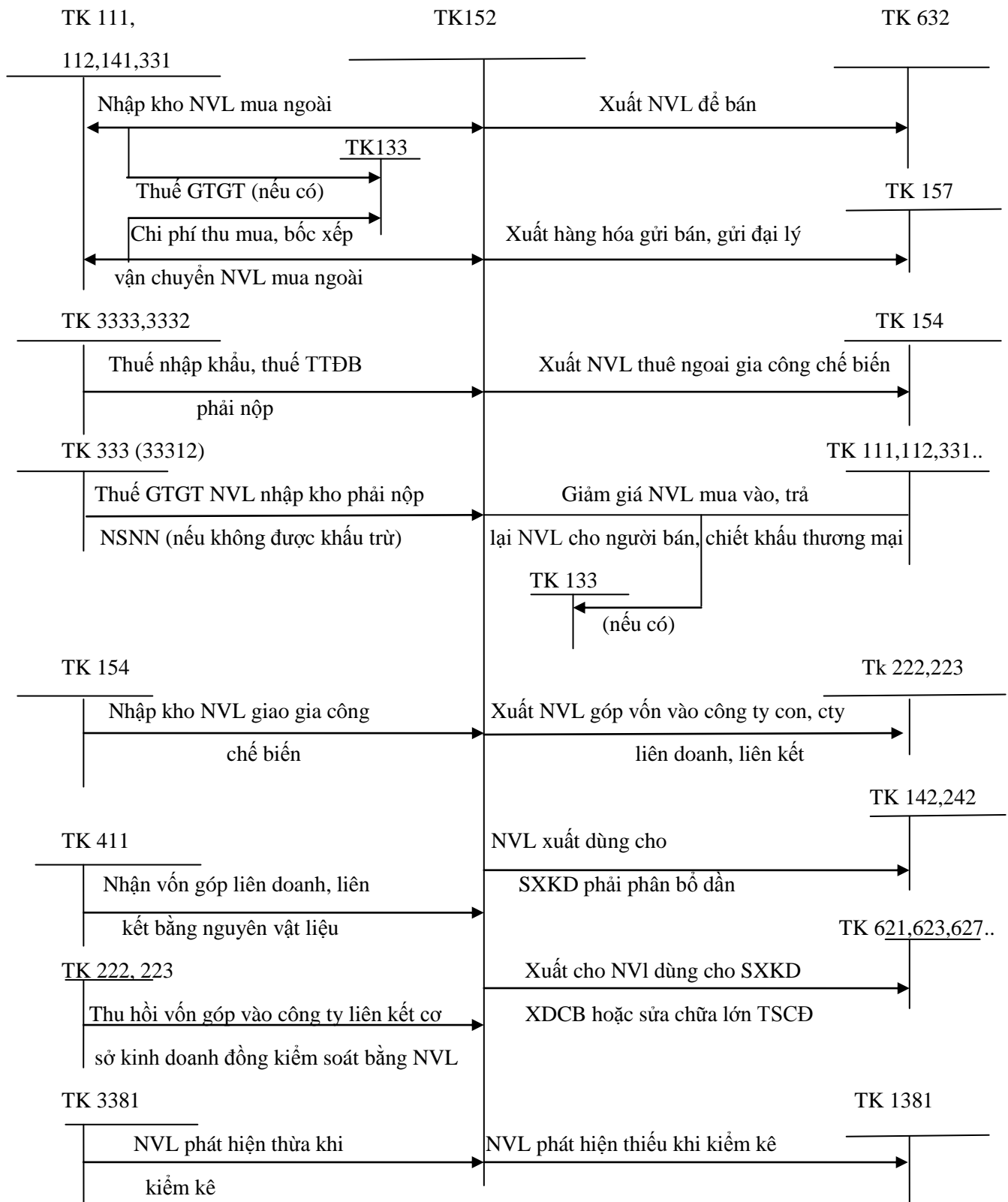
Bên Có:

- Trị giá nguyên vật liệu đã về nhập kho

Số dư bên Nợ: Trị giá nguyên vật liệu mua về đã được xác định về trong kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên thể hiện qua sơ đồ 1.4 sau:



Sơ đồ 1.4. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của nguyên vật liệu trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính ra giá trị vật tư dùng trong kỳ theo công thức:

$$\text{Trị giá vật tư xuất kho} = \text{Trị giá vật tư tồn đầu kỳ} + \text{Tổng giá vật tư mua vào trong kỳ} - \text{Trị giá vật tư tồn cuối kỳ}$$

➤ **Tài khoản sử dụng:**

TK 611 – Mua hàng

Nội dung: dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu vào nhập kho và đưa vào sử dụng trong kỳ.

Bên Nợ:

+ Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ

+ Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán bị trả lại...

Bên Có:

+ Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ

+ Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán

+ Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

TK 611 không có số dư cuối kỳ

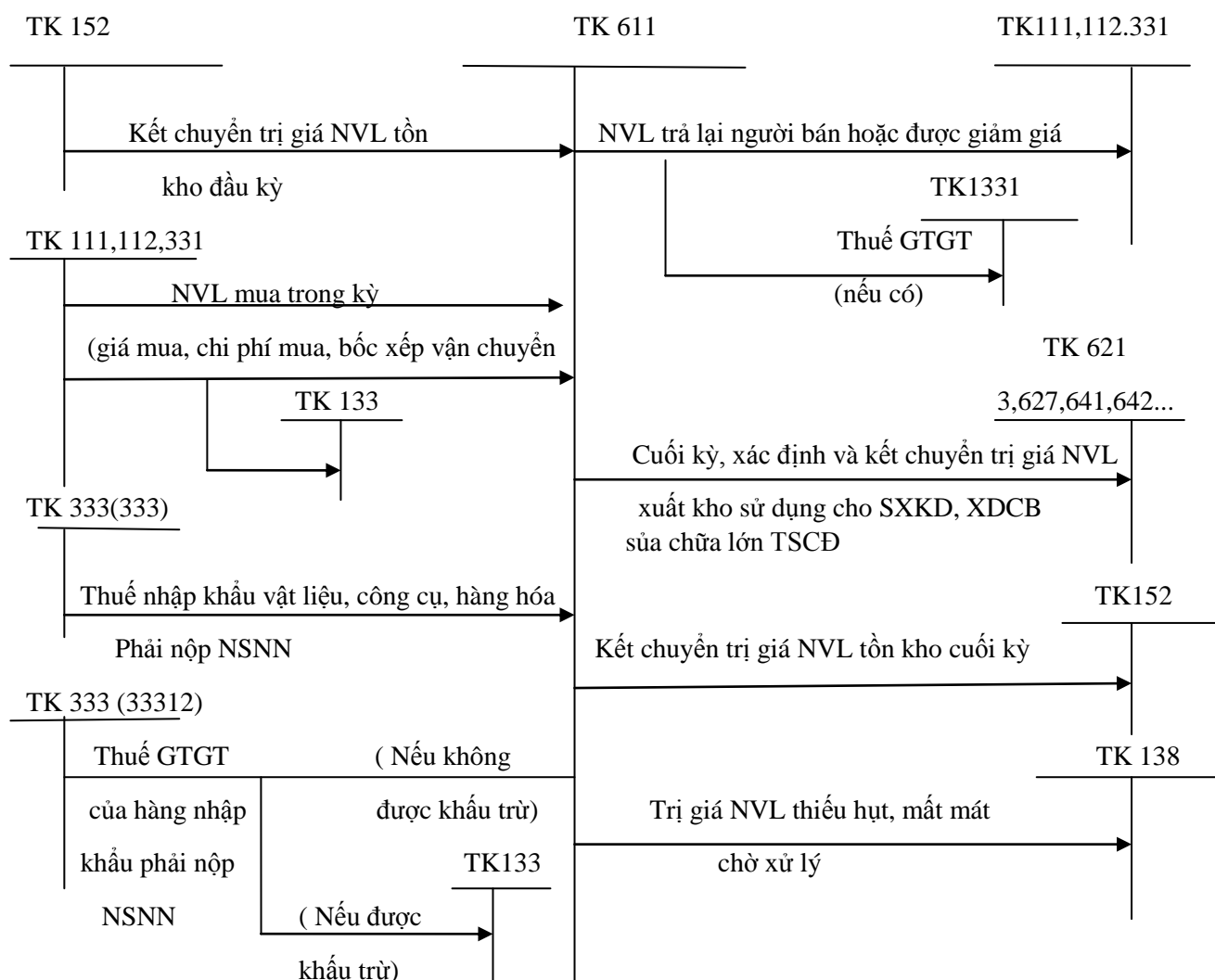
-TK 611 – Mua hàng, có 2 tài khoản cấp 2:

+TK 6111: Mua nguyên liệu, vật liệu: Tài khoản này phản ánh giá trị nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ mua vào và xuất sử dụng trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ kế toán.

+ TK 6112: Mua hàng hóa: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hàng hóa mua vào và xuất bán trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị hàng hóa tồn kho đầu kỳ, tồn kho cuối kỳ kế toán.

➤ **Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.5 sau:



Sơ đồ 1.5. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.2.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá vật tư tồn kho là dự phòng phần giá trị tổn thất do giảm giá nguyên vật liệu tồn kho có thể xảy ra trong năm kế hoạch. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện ở thời điểm khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm. Khoản dự phòng nói trên được trích trước chi phí hoạt động kinh doanh năm báo cáo của doanh nghiệp, giúp cho doanh nghiệp có nguồn tài chính để bù đắp khoản tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch, nhằm bảo toàn vốn kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp phản ánh giá trị vật tư hàng hóa tồn kho không cao hơn giá cả trên thị trường hoặc giá trị có thể thu hồi được tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 7/12/2009 của Bộ trưởng, Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Đối tượng lập dự phòng bao gồm nguyên vật liệu, dụng cụ dùng cho sản xuất, vật tư, hàng hóa, thành phẩm tồn kho (gồm cả hàng tồn kho bị hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu mốt, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời, ứ đọng, chậm luân chuyển...), sản phẩm dở dang, chi phí dịch vụ dở dang (sau đây gọi tắt là hàng tồn kho) mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện sau:

- Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

- Là những vật tư hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trường hợp nguyên vật liệu có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc, nhưng giá bán sản phẩm dịch vụ được sản xuất từ nguyên vật liệu này không bị giảm giá thì không được trích lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho đó.

❖ Phương pháp lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá vật tư} \\ \text{hàng hóa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng vật tư hàng} \\ \text{hóa thực tế tồn kho} \\ \text{tại thời điểm lập báo} \\ \text{cáo tài chính} \end{array} \times \left| \begin{array}{l} \text{Giá gốc hàng} \\ \text{tồn kho theo} \\ \text{sổ kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có thể} \\ \text{thực hiện được của} \\ \text{hàng tồn kho} \end{array} \right|$$

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 02 - Hàng tồn kho ban hành kèm theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho (giá trị dự kiến thu hồi) là giá bán (ước tính) của hàng tồn kho trừ (-) chi phí để hoàn thành sản phẩm và chi phí tiêu thụ (ước tính).

Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết. Bảng kê là căn cứ

để hạch toán vào giá vốn hàng bán (giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hóa tiêu thụ trong kỳ) của doanh nghiệp.

Riêng dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

❖ TK – 159 Dự phòng giảm giá nguyên vật liệu

Bên Nợ: giá trị dự phòng giảm giá nguyên vật liệu được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ

Bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã được trích lập, trích lập bổ sung tính vào vốn hàng bán

Số dư Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối kỳ hạch toán.

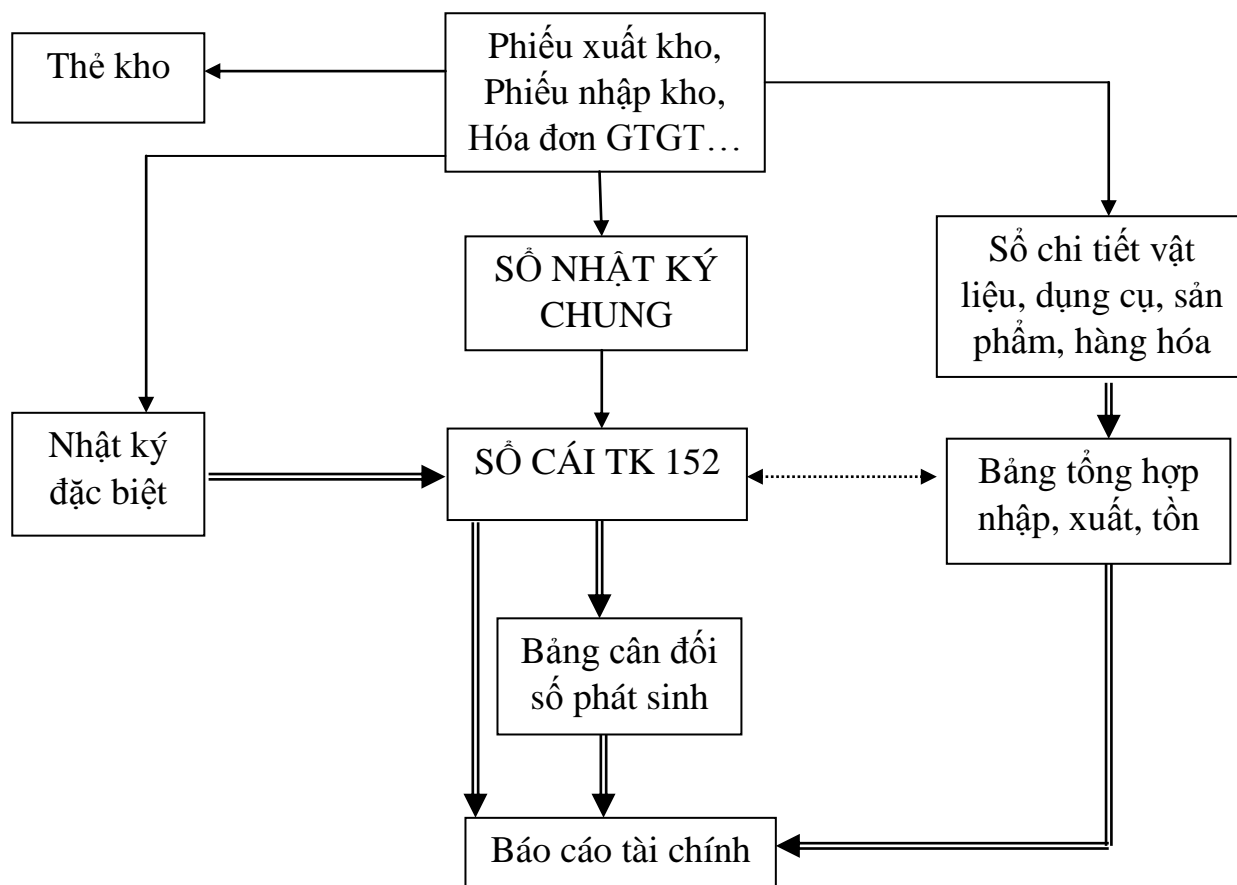
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Ở doanh nghiệp, việc sử dụng loại sổ sách nào trong hạch toán nguyên vật liệu phụ thuộc vào hình thức kế toán doanh nghiệp đang áp dụng. Theo chế độ kế toán hiện hành, có thể sử dụng một trong các hình thức sổ kế toán sau:

- Nhật ký chung
- Nhật ký chứng từ
- Chứng từ ghi sổ
- Nhật ký sổ cái
- Kế toán máy

1.3.1: Hình thức nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái.



Sơ đồ 1.6 Trình tự kế toán nguyên vật liệu theo hình thức nhật ký chung

Ghi chú:

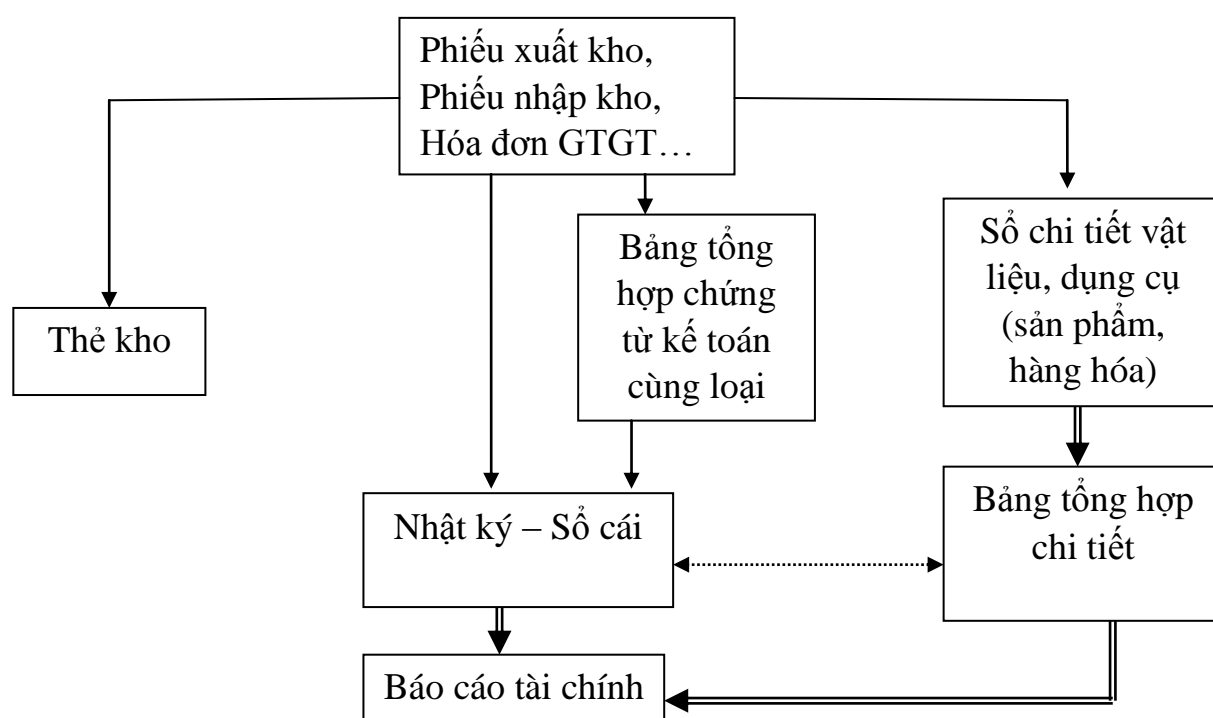
Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Kiểm tra, đối chiếu: \longleftrightarrow

Hàng ngày, tập hợp các phiếu thu, phiếu chi, các hóa đơn mua hàng, để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 152 đồng thời cũng phải ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các sổ, thẻ chi tiết liên quan. Cuối quý, cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết (Được lập từ sổ, thẻ kế toán chi tiết) dùng để lập báo cáo tài chính.

1.3.2: Hình thức nhật ký sổ cái



Sơ đồ 1.7 Trình tự kế toán nguyên vật liệu theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

Ghi chú:

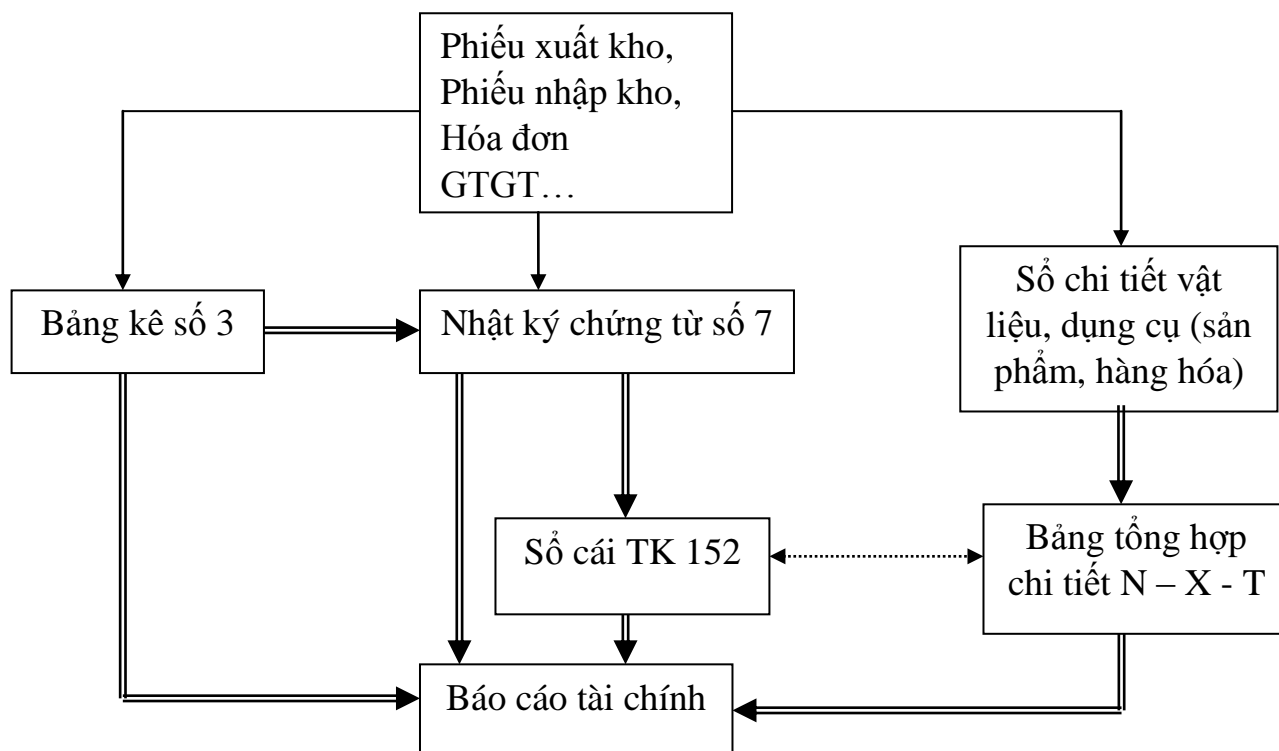
Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Kiểm tra, đối chiếu: \longleftrightarrow

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc như phiếu nhập, phiếu xuất, hóa đơn GTGT hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ để ghi sổ Nhật ký – Sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại được lập cho những chứng từ cùng loại phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày. Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần nhật ký và các cột nợ, cột có của tài khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh trong các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số phát sinh đầu quý và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối quý của tài khoản trên Nhật ký – Sổ cái.

1.3.3: Hình thức nhật ký chứng từ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

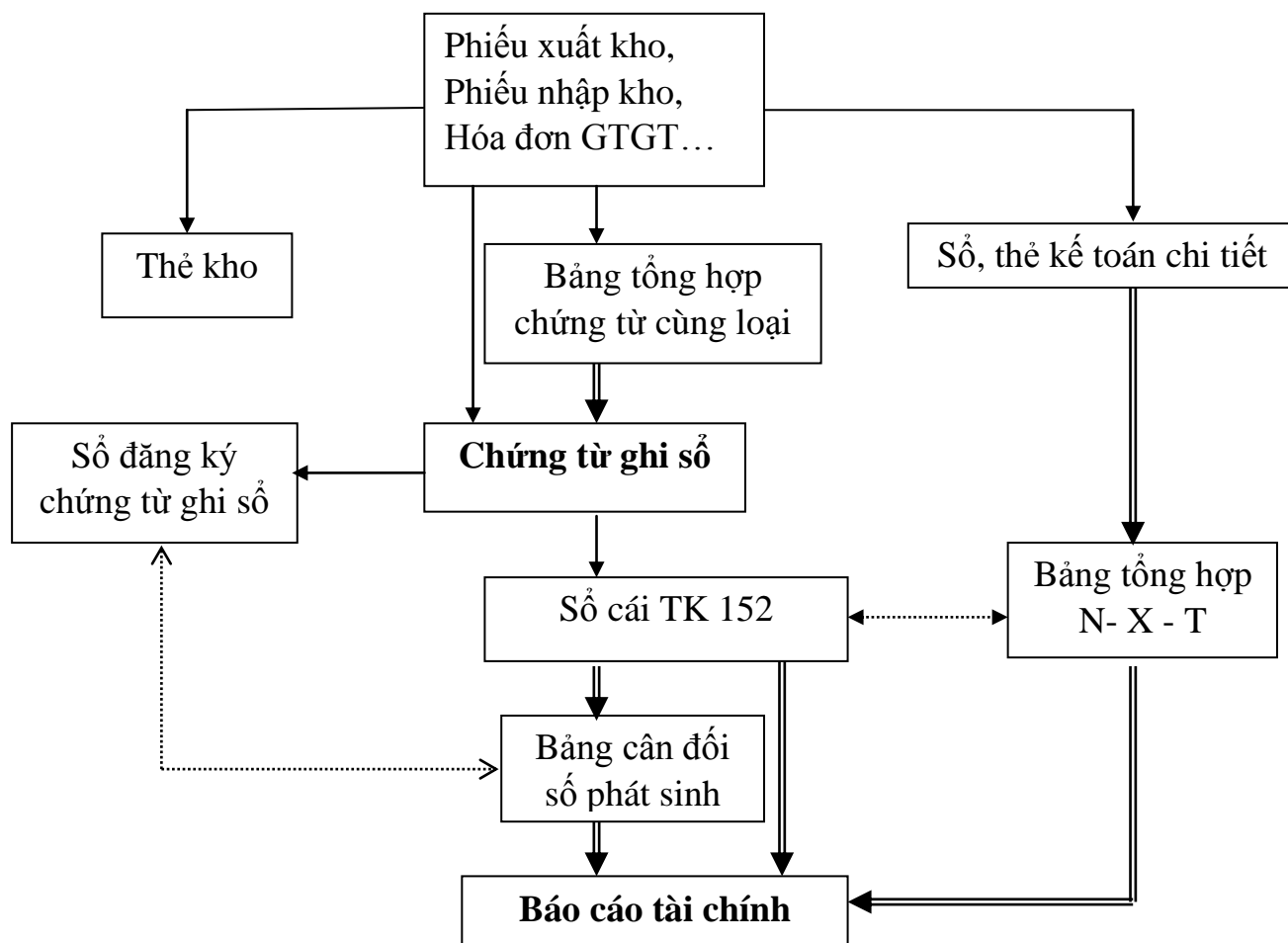
Kiểm tra, đối chiếu: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.9 Trình tự kế toán nguyên vật liệu theo hình thức nhật ký chứng từ

Hàng ngày, căn cứ vào các phiếu nhập, phiếu xuất... đã được kiểm tra đi ghi vào nhật ký chứng từ số 7 hoặc bảng kê số 3, sổ chi tiết vật liệu.

Cuối tháng, khóa sổ cộng số liệu trên nhật ký chứng từ kiểm tra đối chiếu số liệu trên với bảng tổng hợp chi tiết Nhập - Xuất - Tồn và lấy số liệu trên nhật ký chứng từ ghi sổ vào sổ cái TK 152.

1.3.4: Hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

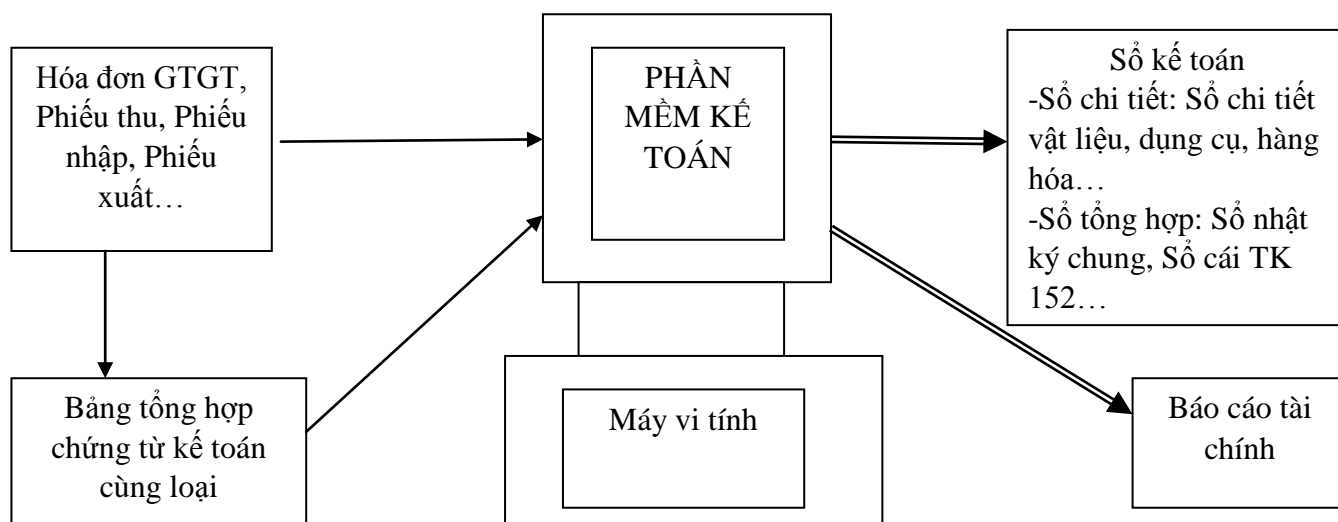
Kiểm tra, đối chiếu: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.9 Trình tự kế toán hàng hóa theo hình thức chứng từ ghi sổ

Hàng ngày, căn cứ vào phiếu nhập, phiếu xuất hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng các loại đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ. Kế toán lập chứng từ ghi sổ, căn cứ vào đó để vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu.

Cuối tháng, khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, số dư trên sổ cái căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát.

1.3.5: Hình thức kế toán máy



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ⇒

Sơ đồ 1.10 Trình tự kế toán theo hình thức kế toán máy

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết. Cuối kỳ, kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính.

**CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT
LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI HUY DŨNG**

2.1 Giới thiệu chung về Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

2.1.1. Quá trình hình thành và đặc điểm Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Tên công ty: Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUY DUNG CONSTRUCTION
& TRADING COMPANY LIMITED

Địa chỉ: Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn, phường Cát Dài, quận Lê
Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Mã số thuế: 0201217588

Điện thoại:

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, gia
công cơ khí, xử lý và buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy xăng dầu cùng các
sản phẩm liên quan đến sắt thép, vật liệu xây dựng.

Ngày 14/01/2011 công ty chính thức thành lập công ty chủ yếu hoạt động
trong lĩnh vực xây dựng với đội ngũ cán bộ kỹ thuật tay nghề cao, lao động giỏi.
Vì vậy, công ty vẫn hoạt động tốt trong giai đoạn nền kinh tế khủng hoảng và
từng bước đi lên.

Trong năm 2011 công ty đã tham gia thầu thành công các hạng mục đồng
thép, cắt cọc bê tông... tại công trình nhà máy nhiệt điện Mông Dương 2, thành
phố Quảng Ninh đạt doanh số 3 tỷ đồng, tạo bước ngoặt và niềm tin cho doanh
nghiệp, bạn hàng trong và ngoài nước hoạt động trên đất nước Việt Nam.

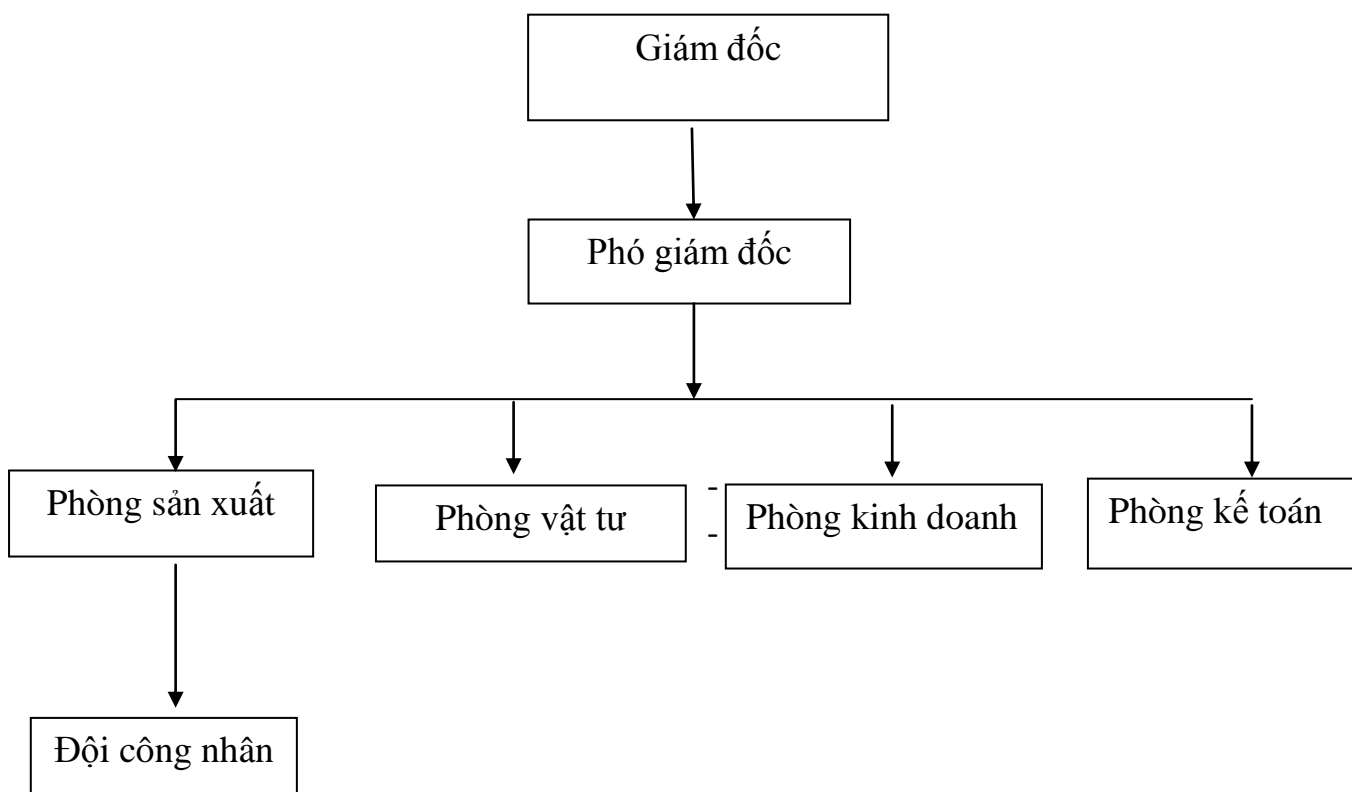
Với đội ngũ cán bộ công nhân viên tay nghề cao, từ năm 2012 đến năm
2013 công ty không ngừng phát triển và tuyển thêm nhiều công nhân, kỹ thuật.
Nhận thầu nhiều hạng mục công trình từ Bắc vào Nam, hiện nay công ty đang
tham gia và thực hiện các hạng mục xây dựng tại nhà máy nhiệt điện Mông
Dương 1 thành phố Quảng Ninh, nhà máy điện tử sam sung thành phố Thái
Nguyên, dự án đường cao tốc thành phố HCM – Long Thành .

Nhìn tổng quát, công ty mới hoạt động trong 3 năm gặp không ít khó khăn
và thử thách nhưng vẫn không ngừng phát triển và vươn xa.

2.1.2 Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty

❖ Cơ cấu bộ máy tại công ty

Công ty có ban Giám Đốc gồm Giám Đốc và Phó Giám Đốc. Người đại diện
theo pháp luật của công ty là Giám Đốc công ty được quy định tại điều lệ công ty.



**Sơ đồ 2.1 : CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ
CTY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI HUY DŨNG**

Chức năng nhiệm vụ:

Giám Đốc: Là Người có quyền hạn cao nhất, chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo toàn vốn của nhà nước, nộp thuế cho nhà nước và đảm bảo quyền lợi cho cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, giám đốc còn là người chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Là người trực tiếp ký các hợp đồng với các cơ quan, đối tác, khách hàng về việc cung cấp, mua bán, hỗ trợ, tài trợ, tiếp nhận. . là đại diện pháp lý của công ty. Đồng thời, xây dựng hệ thống nhân sự đáp ứng được nhu cầu và khả năng sản xuất kinh doanh của công ty theo từng thời kỳ.

Phó Giám Đốc: Là người giúp việc chính cho Giám đốc trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh, được giám đốc ủy quyền thay chủ tài khoản ký kết các hợp đồng kinh tế, trực tiếp phụ trách các phòng đời sống, vật tư, kế toán, sản xuất kinh doanh. Phó giám đốc cũng là người lên kế hoạch xây dựng, triển khai, giám sát các chiến lược kinh doanh của công ty theo mục tiêu chung và là người chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Phòng kế hoạch: Xây dựng các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, làm toàn bộ các thủ tục hợp đồng thanh toán và quyết toán công trình với các chủ đầu tư, tổng hợp báo cáo thống kê nhiệm kỳ theo chế độ.

Phòng sản xuất: Phòng sản xuất và kinh doanh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất của công ty và theo dõi đơn đốc tổng hợp kế hoạch sản xuất.

Hàng tháng lập báo cáo sử dụng thiết bị, vật tư, xây dựng định mức nhiên liệu, định mức sửa chữa nhỏ và định mức khoán lao động.

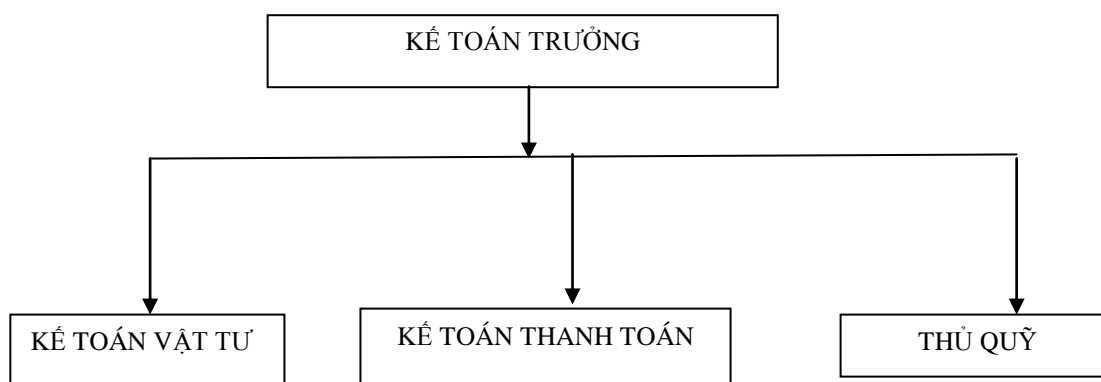
Đội công trình: Trực tiếp tham gia các hoạt động liên quan đến công trình, đảm bảo uy tín, chất lượng dịch vụ thông qua việc đáp ứng nhanh nhất, tốt nhất các yêu cầu hợp lí của khách hàng, giải quyết các vấn đề phản hồi của khách hàng liên quan đến kỹ thuật...

Phòng vật tư: phòng bảo quản, kiểm soát các vật liệu đáp ứng cho công ty.

2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán ở Công ty

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức quản lý, bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung. Bộ máy kế toán của công ty có nhiệm vụ cập nhật theo dõi, kiểm tra hạch toán toàn bộ những nghiệp vụ phát sinh trong công ty bằng các nghiệp vụ kế toán tài chính, giúp cho lãnh đạo công ty có cơ sở để phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của sản xuất kinh doanh. Từ đó có quyết định đúng đắn trong hoạt động của công ty nhằm đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất.



SƠ ĐỒ 2.2: BỘ MÁY KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY :

Chức năng kế toán :

Kế toán trưởng: Là người có quyền hạn cao nhất trong bộ máy kế toán, chỉ đạo các bộ phận kế toán về nghiệp vụ và ghi chép các chứng từ ban đầu đến việc sử dụng sổ sách kế toán.

Tổ chức công tác hạch toán kế toán, kiểm tra, kiểm soát các chứng từ, sổ sách, báo cáo số liệu, dữ liệu theo quy định của công ty, đảm bảo tính chính xác đầy đủ và kịp thời.

Phân tích và đánh giá hiệu quả kinh doanh và hoạt động tài chính của công ty, tham mưu với ban Giám đốc các chính sách kinh doanh, công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

Chịu trách nhiệm về việc lập, ký, tính chính xác của báo cáo kế toán và gửi báo cáo kế toán đúng thời gian quy định của công ty và pháp lệnh kế toán thống kê.

Kế toán vật tư : Theo dõi, phản ánh tình hình nhập, xuất tồn kho NVL, CCDC.

Tham gia kiểm kê định kỳ và đột xuất, cung cấp số liệu cho phòng sản xuất.

Kế toán thanh toán: Phản ánh ghi chép chính xác, đầy đủ số liệu tình hình tăng, giảm quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản vay ngắn hạn, dài hạn và vay các tổ tượng khác.

Kiểm tra các chứng từ thu chi, vay mượn hợp lý, hợp lệ đúng theo quy định của Bộ tài chính.

Thủ quỹ: có nhiệm vụ quản lý chặt chẽ các nguồn quỹ của công ty như:

- + Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền séc.
- + Cấp phát đầy đủ chính sách theo lệnh của GD và kế toán trưởng.
- + Mở sổ theo dõi thu chi hàng ngày đúng nguyên tắc.
- + Rút tiền tại ngân hàng theo lệnh duyệt.

2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

- Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: sử dụng Đồng Việt Nam để ghi chép và lập báo cáo tài chính của Công ty.
- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Sổ nhật ký chung
- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

2.1.3.3. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán

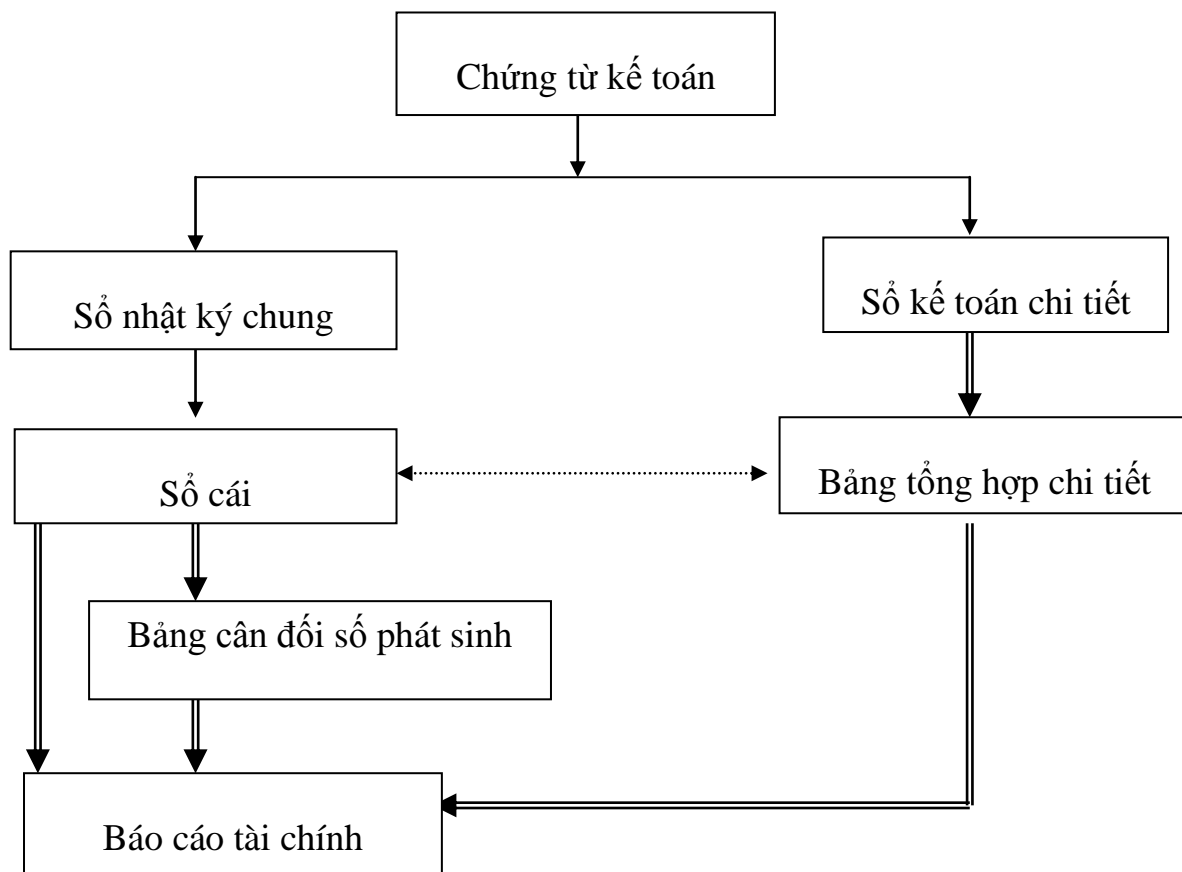
Công ty áp dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán theo QĐ 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2.1.3.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán

Kể từ ngày thành lập cho đến nay, công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách bao gồm:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản
- Các sổ kế toán chi tiết



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

Ghi Chú:

Ghi hàng ngày →

Quan hệ đối chiếu kiểm tra ←.....→

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ==>

Trình tự ghi sổ kế toán: Hàng ngày, tập hợp các chứng từ gốc để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ vào các số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái, đồng thời phải ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan cùng với việc ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Cuối quý, cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh sau khi kiểm tra và đối chiếu khớp với số liệu ghi trên sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết dùng để lập báo cáo tài chính.

2.1.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

Các báo cáo kế toán tổng hợp định kỳ vẫn được lập đó là: bảng cân đối tài khoản, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bảng cân đối kế toán, thuyết minh BCTC...

Để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp trong một niên độ kế toán, công ty áp dụng các báo cáo kế toán sau:

- Bảng cân đối kế toán Mẫu số B-01/DN
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Mẫu số B-02/DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Mẫu số B-03/DN
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính Mẫu số B-09/DN

2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

2.2.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại Công ty

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng là công ty chuyên về xây dựng nên nguyên vật liệu chủ yếu là sắt thép gạch xây dựng bao gồm:

- + Thép phi 6 -8
- + Thép chặt ngắn dài
- + Thép phi 14 – phi 22
- + Đinh
- + Gạch đĩnh A1

2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu tại công ty

Tính giá nguyên vật liệu phục vụ cho việc mở sổ sách kế toán chi tiết nhằm kiểm tra, theo dõi, giám sát tình hình nhập xuất tồn nguyên vật liệu về giá trị. Tùy theo đặc điểm cụ thể của từng loại nguyên vật liệu tại công ty mà chọn một phương pháp tính giá riêng. Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng tuân thủ quy trình của Bộ Tài Chính về thuế GTGT, áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

➤ **Giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho:**

Tại Công ty, nguyên vật liệu nhập kho chủ yếu do mua ngoài.

Đối với nguyên vật liệu mua ngoài nhập kho thì giá thực tế bao gồm:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá mua} & & \text{CKTM} \\ \text{của nguyên} & & \text{ghi trên} & & \\ \text{vật liệu} & = & \text{hóa đơn} & + & \text{Giảm giá} \\ \text{nhập kho} & & & \text{thu mua} & \text{hàng mua} \end{array}$$

➤ **Giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho**

Theo lý thuyết, có rất nhiều phương pháp tính giá khác nhau để công ty có thể lựa chọn. Trên thực tế, các doanh nghiệp thường dựa vào đặc trưng của công ty mình mà sử dụng phương pháp tính giá nào cho phù hợp. Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng là một doanh nghiệp không lớn nhưng có lượng các nghiệp vụ xuất kho, nhập kho tương đối nhiều trong một chu kỳ kinh doanh. Do đó, việc lựa chọn phương pháp tính giá hàng xuất kho ảnh hưởng lớn đến tình hình chung về quản lý cũng như hạch toán vật tư.

Công ty lựa chọn tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn và hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập sản phẩm, hàng hóa, vật tư, kế toán phải xác định lại giá trị thực tế của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Căn cứ vào giá đơn vị bình quân và lượng xuất kế tiếp để tính giá xuất kho theo công thức sau:

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế vật tư tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng vật tư thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Ví dụ minh họa : Tình hình nhập, xuất, tồn thép 1 ly trong tháng 12:

- Tồn đầu kỳ ngày 1/12: 15.000 kg, đơn giá 6.150 đ/kg

$$\text{Trị giá tồn kho} = 92.250.000$$

- Phát sinh trong tháng 12:

Ngày 4/12 nhập kho thép 1 ly số lượng 5.000kg

Đơn giá: 6.170 đ/kg

$$\text{Trị giá nhập kho ngày 4/12: } 5.000 \times 6.170 = 30.850.000$$

Ngày 7/ 12 xuất thép số lượng 7.000 kg

$$15.000 \times 6.150 + 5.000 \times 6.170$$

$$\text{Đơn giá} = \frac{\quad}{15.000 + 5.000} = 6.155 \text{ đ/kg}$$

xuất kho ngày 7/12

$$\text{Trị giá xuất kho ngày 7/12: } 7.000 \times 6.155 = 43.085.000$$

Ngày 10/12 nhập kho thép 1 ly số lượng 12.000 kg,

Đơn giá: 6.160 đ/kg

$$\text{Trị giá nhập kho ngày 10/12: } 6.160 \times 12.000 = 73.920.000$$

Ngày 15/12 xuất kho thép 1 ly 11.000kg, theo phiếu xuất số PX 15/12

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất} \\ \text{kho của thép} \\ \text{1 ly ngày} \\ \text{15/12} \end{array} = \frac{13.000 \times 6.155 + 12.000 \times 6.160}{13.000 + 12.000} = 6.157 \text{ đ/kg}$$

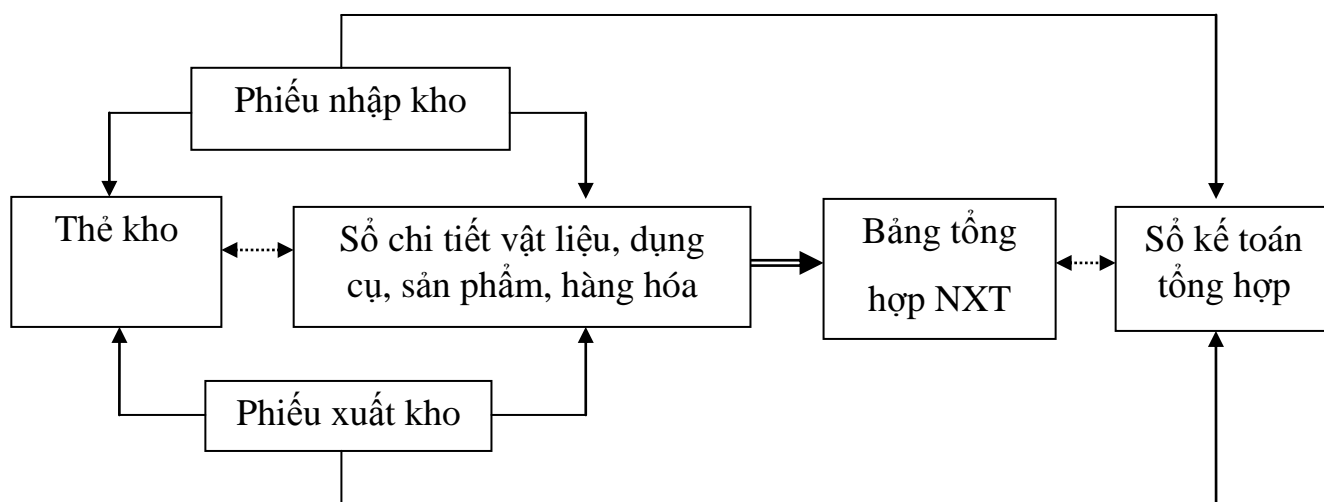
$$\text{Trị giá xuất 11.000 kg thép 1 ly} = 6.157 \times 11.000 = 67.727.000$$

2.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty

Tại công ty, áp dụng phương pháp kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song

- Ở kho: Thủ kho sử dụng “Thẻ kho” để ghi chép tình hình nhập – xuất – tồn kho của từng loại vật tư ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng. Hàng ngày ghi nhận được chứng từ nhập – xuất vật tư, thủ kho tiến hành kiểm tra hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi ghi sổ số thực nhập, thực xuất vào “Thẻ kho” trên cơ sở các chứng từ đó (mở theo từng loại vật tư trong từng kho). Cuối tháng, thủ kho tính ra tổng số nhập – xuất và số tồn cuối kỳ của từng loại vật tư trên “Thẻ kho” và đối chiếu số liệu với “Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa”

- Ở phòng kế toán: Khi nhận được chứng từ từ kho chuyển lên, kế toán thực hiện kiểm tra tính chính xác, hợp lý, hợp pháp của chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ sau đó tiến hành ghi sổ kế toán chi tiết rồi từ đó lập bảng tổng hợp nhập - xuất – tồn



Sơ đồ 2.4: Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Kiểm tra, đối chiếu: \longleftrightarrow

Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.1: Ngày 10/12/2013 mua 40 m² gạch đĩnh A1, đơn giá 175.000 đồng/m², thanh toán bằng tiền mặt, VAT 10%

Căn cứ vào HĐGTGT (Biểu số 2.1) và phiếu nhập kho (Biểu số 2.2). Thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu số 2.5). Kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu (Biểu số 2.6). Cuối kỳ kế toán lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn (biểu số 2.13)

Ví dụ 2.2: Ngày 16/12 Xuất kho 50 m² gạch đĩnh A1 theo phiếu xuất PX 19/12 (biểu số 2.4). Tại kho thủ kho căn cứ vào phiếu xuất 19/12 vào thẻ kho (Biểu số 2.5). Kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu (Biểu số 2.6).

Ví dụ 2.3: Ngày 10/12/2013 mua 12.000kg Thép 1 ly của công ty TNHH Hoa Mai đã nhập kho trị giá 73,920,000 chưa VAT 10% chưa thanh toán:

Căn cứ vào HĐGTGT (Biểu số 2.7) và phiếu nhập (Biểu số 2.8) Thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu số 2.11). Kế toán ghi vào sổ chi tiết (Biểu số 2.12). Cuối kỳ kế toán lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn (biểu số 2.13)

Ví dụ 2.4: Ngày 15/12 xuất kho 11.000kg thép 1 ly theo phiếu xuất 15/12 (Biểu số 2.10). Tại kho thủ kho căn cứ vào phiếu xuất 15/12 vào thẻ kho (Biểu số 2.11). Kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu (Biểu số 2.12).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: AA/13P

Liên 2: Giao khách hàng

Số: 0002046

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Đơn vị bán hàng : Công ty Hoa Thịnh

Địa chỉ : Số 13 Đường 20/8 thị trấn Vĩnh Bảo , HP

Số tài khoản

Điện thoại: 0313.884 287

MST : 0200526325

Họ tên người mua hàng : Lê Thị Mai

Tên đơn vị : Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Địa chỉ : Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn, phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Số tài khoản :

Hình thức thanh toán : Tiền mặt

MST : 0201217588

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1*2
1	Gạch đĩnh A1	M2	40	175.000	7.000.000
Cộng tiền hàng					7.000.000
Thuế suất thuế GTGT 10 % Tiền thuế GTGT					700.000
Tổng cộng tiền thanh toán					7.700.000
Số tiền viết bằng chữ: Bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng.					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị.

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2

Công Ty TNHH xây dựng & thương
mại Huy Dũng
Đc: số 12 ngõ 42G Trần Nguyên Hãn,
Lê Chân,HP

Mẫu số 01-VT
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Số: 20/12

Nợ: 152

Có: 111

Họ và tên người giao: Lê Thu Hương

Theo hóa đơn số :0002046 ngày 10 tháng 12 năm 2013 của công ty Hoa Thịnh

Nhập tại kho: kho vật tư

STT	Tên nhãn hiệu, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số Lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
01	Gạch đĩnh A1		M ²	40	40	175.000	7.000.000
	Cộng			40	40		7.000.000

Tổng số tiền(Viết bằng chữ) : Bảy triệu đồng chẵn.

Số chứng từ kèm theo : 01

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.3

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Đc: số 12 ngõ 42G Trần Nguyên Hãn, Lê Chân,HP

PHIẾU ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ

Ngày 16 tháng 12 năm 2013

Tên đơn vị lĩnh vật tư : Phân xưởng 1

Lý do lĩnh : Dùng cho sản xuất

Lĩnh tại kho : vật tư

STT	Tên vật liệu	ĐVT	Số lượng
1	Gạch đĩnh A1	M2	50
	Cộng		50

Phòng vật tư

Người đề nghị

Phê duyệt

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4

Công Ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng
Đc: số 12 ngõ 42G Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, HP

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 16 tháng 12 năm 2013

Số: 19/12

Nợ: 621

Có: 152

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Việt Hùng

Địa chỉ : Phân xưởng 1

Xuất tại kho: kho vật tư

STT	Tên nhãn hiệu, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số Lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Gạch đĩnh A1		M2	50	50	172.428	8.621.400
	Cộng						8.621.400

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Tám triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn, bốn trăm đồng.

Số chứng từ kèm theo: 01

Ngày 16 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.5

Công Ty TNHH xây dựng & thương
mại Huy Dũng
Đc: số 12 ngõ 42G Trần Nguyên
Hãn, Lê Chân, HP

Mẫu số S12-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Năm 2013

Tên, nhãn hiệu, qui cách vật tư: gạch đĩnh A1

ĐVT: m²

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng		
	Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	TT
			Dư đầu tháng				<u>50</u>
05/12		PX05/12	Xuất NVL	05/12		20	30
08/12	PN18/12		Nhập NVL	08/12	70		100
10/12	PN20/12		Nhập NVL	10/12	40		140
15/12		PX15/12	Nhập kho của công ty cổ phần Thịnh Hưng	15/12		30	110
16/12		PX19/12	Xuất cho phân xưởng 1	16/12		50	60
						
			Cộng phát sinh		450	420	
			Tồn cuối kỳ				<u>80</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(đã ký)

Kế toán trưởng

(đã ký)

Giám đốc

(đã ký)

Biểu số 2.6

Công Ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Mẫu số 10-DN

Đc: số 12 ngõ 42G Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, HP

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tên VL: Gạch đình A1

Số hiệu:152

Năm 2013

ĐVT: m²

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		Dư đầu tháng							50	8.500.000
PX05/12	05/12	Xuất NVL	621	170.000			20	3.400.000	30	5.100.000
PN18/12	08/12	Nhập NVL	331	172.000	70	12.040.000			100	17.140.000
PN20/12	10/12	Nhập kho NVL	331	175.000	40	7.000.000			140	24.140.000
PX15/12	15/12	Xuất cho PX 1	621	172.429			30	5.172.870	110	18.967.130
PX19/12	16/12	Xuất NVL	621	172.428			50	8.621.400	60	10.345.730
	
		Cộng phát sinh tháng			450	76.500.000	420	71.400.000		
		Dư cuối tháng							80	13.600.000

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.7

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: AA/13B

Liên 2: Giao cho khách hàng

Số: 0002015

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Đơn vị bán hàng: công ty TNHH Hoa Mai

Địa chỉ: 140 Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

Số điện thoại: 0313.125.638

Số tài khoản:

Họ và tên người mua hàng:

Đơn vị: Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Địa chỉ: Số 12 ngõ 42G – Trần Nguyên Hãn – Cát Dài – Lê Chân – Hải Phòng

Số tài khoản: 0030000056048

Hình thức thanh toán:

MST: 0201217588

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Thép 1ly	kg	12.000	6,160	73,920,000

Cộng tiền hàng 73,920,000

Thuế suất GTGT 10% Tiền thuế GTGT 7,392,000

Tổng cộng tiền thanh toán 81,312,000

Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi một triệu, ba trăm mười hai nghìn đồng.

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.8

Công ty TNHH xây dựng & thương mại
Huy Dũng
Đc: số 12 ngõ 42G Trần Nguyên Hãn, Lê
Chân, HP

Mẫu số 01-VT
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Số: 21/12

Nợ: 152

Có: 331

Họ và tên người giao: Nguyễn Thanh Tùng

Theo HĐGT số 0002015 ngày 10 tháng 12 năm 2013 của công ty TNHH
Hoa Mai

Nhập tại kho: kho vật tư

STT	Tên nhãn hiệu, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số Lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	thực nhập		
01	Thép Ily		kg	12,000	12,000	6,160	73,920,000
	Cộng						73,920,000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Bảy mươi ba triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng.

Số chứng từ kèm theo: 01

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu **Người giao hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu số 2.9

Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Đc: số 12 ngõ 42G Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, HP

PHIẾU ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Tên đơn vị lĩnh vật tư : Phân xưởng 1

Lý do lĩnh : Dùng cho sản xuất

Lĩnh tại kho : vật tư

STT	Tên vật liệu	ĐVT	Số lượng
1	Thép 1ly	Kg	11,000
	Cộng		11,000

Phòng vật tư

Người đề nghị

Phê duyệt

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.10

Công Ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng
Đc: số 12 ngõ 42G Trần Nguyễn Hân, Lê Chân, HP

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Số: 15/12

Nợ: 621

Có: 152

Họ và tên người nhận hàng: Trần Thanh Xuân

Bộ phận: Phân xưởng 1

Lý do xuất kho: Xuất để sản xuất sản phẩm

Xuất tại kho: kho vật tư

STT	Tên nhãn hiệu, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số Lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
01	Thép 1ly		kg	11.000	11.000	6.157	67.727.000
	Cộng						67.727.000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Sáu mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng

Số chứng từ kèm theo : 01

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.11

Công Ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Mẫu số S12-DN

Đc: số 12 ngõ 42G Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, HP (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Năm 2013

Tên, nhãn hiệu, qui cách vật tư: thép 1ly

ĐVT: m²

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng		
	Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	TT
			Dư đầu kỳ				<u>15,000</u>
4/12	PN04/12		Nhập kho thép	4/12	5.000		20,000
7/12		PX17/12	Xuất kho	7/12		7.000	13,000
10/12	PN 21/12		Nhập kho	10/12	12.000		25,000
15/12		PX15/12	Xuất kho cho px	15/12		11,000	14,000
						
			Cộng phát sinh		33,000	38,850	
			Tồn cuối kỳ				9,150

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(*đã ký*)

Kế toán trưởng

(*đã ký*)

Giám đốc

(*đã ký*)

Biểu số 2.12

Công Ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Mẫu số S10-DN

Đc: số 12 ngõ 42G Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, HP

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tên TK: Thép Ily

Số hiệu: 152

Năm 2013

ĐVT: m²

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		Dư đầu kỳ							15,000	92,250,000
PN04/12	4/12	Mua NVL	331	6,170	5.000	30.850.000			20.000	123.100.000
PX17/12	7/12	Xuất NVL	621	6.155	7.000		7.000	43.085.000	13.000	80.015.000
PN21/12	10/12	Nhập kho NVL	331	6.160	12.000	73.920.000			25.000	153.935.000
PX15/12	15/12	Xuất NVL	621	6.157			11.000	67.727.000	14.000	86.208.000
.....
		Cộng phát sinh			33,000	203,181,000	38,850	239,199,450		
		Tồn cuối kỳ							9,150	56,231,550

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(đã ký)

Kế toán trưởng
(đã ký)

Giám đốc
(đã ký)

Biểu số 2.13

Công Ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Mẫu số S11-DN

Đc: số 12 ngõ 42G Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, HP

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tên TK: Nguyên vật liệu

Số hiệu: 152

Tháng 12 năm 2013

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Tồn đầu tháng		Nhập trong tháng		Xuất trong tháng		Tồn cuối kì	
			SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
1	Thép 1ly	kg	15,000	92,250,000	33,000	203,181,000	38,850	239,199,450	9,150	56,231,550
2	Đồng	kg	3,000	9,000,000	8,000	24,000,000	9,000	27,000,000	2,000	6,000,000
3	Gạch đỉnh A1	M2	50	8,500,000	450	76,500,000	420	71,400,000	80	13,600,000

	Cộng tháng			145,879,038		345,670,000		396,968,580		941,684,007

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(đã ký)

Kế toán trưởng

(đã ký)

Giám đốc

(đã ký)

2.2.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là cần thiết và quan trọng. Bên cạnh đó, kế toán tổng hợp nguyên vật liệu cũng là công cụ quan trọng không thể thiếu được và rất có ảnh hưởng trong công tác quản lý các hoạt động kinh doanh.

Tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng hiện nay, công tác kế toán tổng hợp nguyên vật liệu được thực hiện theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Cùng với việc kế toán chi tiết nguyên vật liệu, kế toán đồng thời phải ghi sổ kế toán tổng hợp phản ánh tình hình nhập xuất tồn nguyên vật liệu như giá trị thực tế nguyên vật liệu nhập kho, xuất kho...nhằm cung cấp số liệu phục vụ cho công tác lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu thông tin kinh tế như phân tích hoạt động kinh doanh đồng thời đảm bảo theo dõi chặt chẽ việc thanh toán với người bán.

2.2.4.1. Chứng từ sử dụng

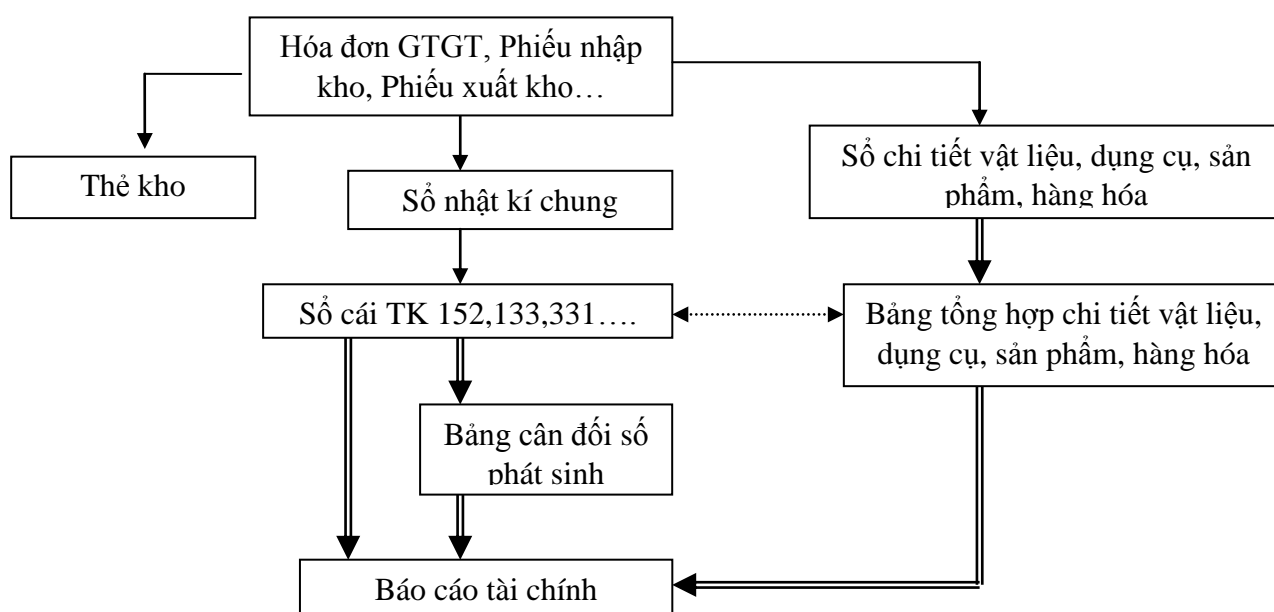
- +Hóa đơn GTGT
- +Phiếu nhập kho
- +Phiếu xuất kho
- +Và các chứng từ khác có liên quan

2.2.4.2. Tài khoản sử dụng:

- +TK 152: “ Nguyên liệu, vật liệu ”
- + Các TK khác có liên quan: TK 111, 112,131...

2.2.4.3 Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán được thể hiện qua sơ đồ 2.16



SƠ ĐỒ 2.16: QUY TRÌNH HẠCH TOÁN HÀNG TỒN KHO

Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu \longleftrightarrow

2.2.4.4. Ví dụ minh họa

Lấy lại các ví dụ ở phần kế toán chi tiết, kế toán ghi chép vào các sổ kế toán tổng hợp như sau:

Ví dụ 2.1: Ngày 10/12/2013 mua 40 m² gạch đĩnh A1 , đơn giá 175.000 đồng/m², thanh toán bằng tiền mặt, VAT 10% . Kế toán định khoản:

Nợ TK 152 : 7.000.000
Nợ TK 133 : 700.000
Có TK 111 : 7.700.000

Căn cứ vào HĐGTGT (Biểu số 2.14) và phiếu nhập 20/12(Biểu số 2.15), phiếu chi (Biểu số 2.16) để ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.21) Từ sổ nhật ký chung (Biểu số 2.21) kế toán ghi vào sổ cái TK 152 (Biểu số 2.22) và các sổ cái tài khoản khác có liên quan

Ví dụ 2.2: Ngày 16/12 Xuất kho 50 m² gạch đĩnh A1 theo phiếu xuất 19/12 (biểu số 2.17). Kế toán định khoản:

Nợ 621: 8.621.400
Có 152: 8.621.400

Từ Phiếu xuất (Biểu số 2.17) kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.21) sau đó ghi vào Sổ cái TK 152 (Biểu số 2.22)

Ví dụ 2.3: ngày 10/12/2013 công ty mua 12.000kg Thép 1 ly của công ty TNHH Hoa Mai đã nhập kho trị giá 73,920,000 chưa VAT 10%, công ty chưa thanh toán. Kế toán định khoản:

Nợ TK 152 : 73,920,000
Nợ TK 133 : 7,920,000
Có TK 331: 81,312,000

Căn cứ vào HĐGTGT (Biểu số 2.18) và phiếu nhập 21/12 (Biểu số 2.19), kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.21) và sổ cái TK 152 (Biểu số 2.22) và các sổ cái tài khoản khác có liên quan.

Ví dụ 2.4: Ngày 15/12 Xuất thép 11.000kg theo phiếu xuất 15/12 (biểu số 2.20).Kế toán định khoản:

Nợ TK 621: 67.727.000

Có TK 152: 67.727.000

Từ Phiếu xuất (Biểu số 2.20) kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.21) sau đó ghi vào Sổ cái TK 152 (Biểu số 2.22)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.14

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: AA/13P

Liên 2: Giao khách hàng

Số: 0002046

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Đơn vị bán hàng : Công ty Hoa Thịnh

Địa chỉ : Số 13 Đường 20/8 thị trấn Vĩnh Bảo , HP

Số tài khoản

Điện thoại: 0313.884 287

MST: 0200526325

Họ tên người mua hàng : Lê Thị Mai

Tên đơn vị : Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Địa chỉ : Số 12 ngõ 42G, Trần Nguyên Hãn, phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Số tài khoản :

Hình thức thanh toán : Tiền mặt

MST : 0201217588

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1*2
1	Gạch đĩnh A1	M2	40	175.000	7.000.000
Cộng tiền hàng					7.000.000
Thuế suất thuế GTGT 10 % Tiền thuế GTGT					700.000
Tổng cộng tiền thanh toán					7.700.000
Số tiền viết bằng chữ: Bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng.					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị.

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.15

Công Ty TNHH xây dựng & thương
mại Huy Dũng
Đc: số 12 ngõ 42G Trần Nguyên Hãn,
Lê Chân, HP

Mẫu số 01-VT
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Số: 20/12

Nợ: 152

Có: 111

Họ và tên người giao: Lê Thu Hương

Theo hóa đơn số :0002046 ngày 10 tháng 12 năm 2013 của công ty

Nhập tại kho: kho công ty

STT	Tên nhãn hiệu, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số Lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
01	Gạch đĩnh A1		M ²	40	40	175.000	7.000.000
	Cộng			40	40		7.000.000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Bảy triệu đồng chẵn.

Số chứng từ kèm theo: 01

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.16

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Số : 26/12

Nợ: TK 152,133

Có: TK 111

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Minh Anh

Địa chỉ: Công ty Hoa Thịnh

Lý do chi: Thanh toán tiền hàng HĐ 2046

Số tiền: 7,700,000

(Viết bằng chữ): Bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng.

Kèm theo:.....01..... chứng từ gốc

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(đã ký)	(đã ký)	(đã ký)	(đã ký)	(đã ký)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):

Bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng.

-Tỷ giá(vàng bạc, đá quý)

-Số tiền quy đổi

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.17

Công Ty TNHH xây dựng & thương mại Huy
Dũng
Đc: Số 12 ngõ 42G Trần Nguyên Hãn, Lê
Chân, HP

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 16 tháng 12 năm 2013

Số: 19/12

Nợ: 621

Có: 152

Họ và tên người nhận hàng: Trần Thanh Xuân

Địa chỉ : Phân xưởng 1

Xuất tại kho: kho vật tư

STT	Tên nhãn hiệu, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số Lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Gạch đĩnh A1		M2	50	50	172.428	8.621.400
	Cộng						8.621.400

Tổng số tiền(Viết bằng chữ): Tám triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn, bốn trăm đồng.

Số chứng từ kèm theo: 01

Ngày 16 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.18

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: AA/13B

Liên 2: Giao cho khách hàng

Số: 0002015

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Đơn vị bán hàng: công ty TNHH Hoa Mai

Địa chỉ: 140 Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

Số điện thoại: 0313.125.638

Số tài khoản:

Họ và tên người mua hàng:

Đơn vị: Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Địa chỉ: Số 12 ngõ 42G – Trần Nguyên Hãn – Cát Dài – Lê Chân – Hải Phòng

Số tài khoản: 0030000056048

Hình thức thanh toán:

MST: 0201217588

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Thép 1ly	Kg	12.000	6,160	73,920,000

Cộng tiền hàng : 73,920,000

Thuế suất GTGT 10% Tiền thuế GTGT : 7,392,000

Tổng cộng tiền thanh toán 81,312,000

Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi một triệu, ba trăm mười hai nghìn đồng.

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 2.19

Công Ty TNHH xây dựng Và thương mại

Mẫu số 01-VT

Sinh viên: Bùi Thị Huyền – QTL603K

53

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Huy Dũng
Đc: số 12 ngõ 42G Trần Nguyên Hãn, Lê
Chân, HP

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Số: 21/12

Nợ: 152

Có: 331

Họ và tên người giao: Nguyễn Thanh Tùng

Theo HĐGTGT số 0002015 ngày 10 tháng 12 năm 2013 của công ty TNHH
Hoa Mai

Nhập tại kho: kho vật tư

STT	Tên nhãn hiệu, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơ n vị tính	Số Lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	thực nhập		
01	Thép Ily		kg	12,000	12,000	6,160	73,920,000
	Cộng						73,920,000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Bảy mươi ba triệu, chín trăm hai mươi nghìn
đồng.

Số chứng từ kèm theo: 01

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu **Người giao hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.20

Công Ty TNHH xây dựng & thương mại Huy
Dũng
Đc: số 12 ngõ 42G Trần Nguyên Hãn, Lê Chân,
HP

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Số: 15/12

Nợ: 621

Có: 152

Họ và tên người nhận hàng: Trần Thanh Xuân

Bộ phận: Phân xưởng 1

Lý do xuất kho: Xuất để sản xuất sản phẩm

Xuất tại kho: kho vật tư

STT	Tên nhãn hiệu, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số Lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
01	Thép 1ly		kg	11.000	11.000	6.157	67.727.000
	Cộng						67.727.000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Sáu mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng

Số chứng từ kèm theo : 01

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.21

Công Ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Mẫu số S03a-DN

Đc: số 12 ngõ 42G Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, HP

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐBTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

ĐVT: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số	Ngày tháng				Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
						
10/12	PN20/12 PC26/12	10/12	Mua gạch đĩnh A1 thanh toán tiền mặt		152 133 111	7.000.000 700.000	7.700.000
10/12	PN21/12	10/12	Mua thép 1ly chưa thanh toán		152 133 331	73.920.000 7.392.000	81.312.000
.....
15/12	PX15/12	15/12	Xuất thép 1 ly cho PX		621 152	67.727.000	67.727.000
16/12	PX19/12	16/12	Xuất kho gạch đĩnh A1		621 152	8.621.400	8.621.400
...
23/12	PN33/12	23/12	Mua gạch đĩnh A1		1521 133 331	34.000.000 3.400.000	37.400.000
25/12	PN36/12	25/12	Mua thép 1 ly của công ty TNHH Hoa Mai		1521 133 331	6,170,000 617,000	6,787,000
25/12	PX27/12	25/12	Xuất kho gạch đĩnh A1		621 152	2.550.000	2.550.000
						
31/12	PX33/12	31/12	Xuất kho thép để sản xuất		621 152	18,510,000	18,510,000
						
			Cộng phát sinh cả năm			84,888,115,185	84,888,115,185

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.22

Công Ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Mẫu số 03b-DN

Đc: số 12 ngõ 42G Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, HP (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2013

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

Số hiệu: 152

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Trang nhật ký	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày ctừ				Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
			Số dư đầu T12			<u>145.879.038</u>	
						
10/12	PN 20/12	10/12	Mua gạch đình A1		111	7.000.000	
10/12	PN21/12	10/12	Mua thép 1 ly chưa thanh toán		331	73.920.000	
...	
15/12	PX15/12	15/12	Xuất thép 1ly cho PXSX		621		67.727.000
16/12	PX19/12	16/12	Xuất kho gạch đình A1		621		8.621.400
...
24/12	PN34/12	24/12	Mua xêng của công ty Phương Lan		331	4.180.000	
25/12	PN36/12	25/12	Mua thép 1 ly		331	6.170.000	
25/12	PX27/12	25/12	Xuất kho NVL cho phân xưởng		621		2.550.000
						
31/12	PX33/12	31/12	Xuất kho thép cho px		621		18.510.000
						
			Cộng PS T12			345.670.000	396.968.580
			Số dư cuối kì			<u>941,684,007</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

**CHƯƠNG 3 :MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC
KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG &
THƯƠNG MẠI HUY DŨNG**

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

Trong suốt quá trình từ khi thành lập, công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng có những hướng phát triển tốt và từng bước trưởng thành về mọi mặt. Hiện nay công ty đã xây dựng một tập thể vững mạnh và không ngừng vươn xa, cố gắng học hỏi, tiếp thu khoa học công nghệ nhằm nâng cao chất lượng công trình.

Kết quả hôm nay là sự cố gắng nỗ lực của toàn công ty, đặc biệt là vai trò tổ chức kế toán tại công ty. Cùng với sự lớn mạnh của đơn vị hệ thống quản lý nói chung và bộ máy kế toán không ngừng hoàn thiện và đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Với đội ngũ cán bộ trẻ phòng tài chính kế toán giàu kinh nghiệm, có năng lực tận tụy với nghề đã tích cực góp phần trong công tác phản ánh, giám sát chặt chẽ, toàn diện tài sản của công ty, cung cấp thông tin kịp thời, hữu ích phục vụ cho công tác quản lý, phân tích của ban lãnh đạo.

3.1.1 Những ưu điểm đạt được:

❖ Về công tác thu mua nguyên vật liệu:

Phòng sản xuất kinh doanh và phòng vật tư luôn kết hợp chặt chẽ để đề ra kế hoạch thu mua hợp lý, không có tình trạng thiếu hụt nguyên vật liệu.

Công ty đã thiết lập được mối quan hệ lâu năm với những đơn vị cung ứng vật tư nên giá cả tương đối ổn định, từ đó tránh được tình trạng thiếu hụt, gián đoạn sản xuất. Đồng thời ban kiểm nghiệm của công ty hoạt động rất hiệu quả, đảm bảo số lượng, chủng loại vật tư mua về.

Công việc kế toán tại kho được thực hiện khá nghiêm túc và thường xuyên được kiểm tra đối chiếu với kế toán nguyên vật liệu tại phòng kế toán.

❖ Về khâu sử dụng nguyên vật liệu

Phòng kỹ thuật phối hợp với phòng KCS để đề ra định mức sử dụng vật liệu căn cứ vào tình hình thực tế và các yêu cầu về vật liệu của từng loại sản phẩm, hàng hóa, từng đơn đặt hàng. Vì vậy đã tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm.

Các thủ tục nhập, xuất kho được thực hiện tương đối chặt chẽ, các chứng từ được thiết lập đầy đủ, quy trình luân chuyển hợp lý, thuận lợi cho việc xuất kho và ghi chép kế toán.

Nguyên vật liệu nhập tại kho được xác định theo giá thực tế, giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ đã tuân thủ đúng theo nguyên tắc và chế độ kế toán hiện hành.

Hàng tồn kho của công ty được bảo quản trong điều kiện tương đối tốt, thuận lợi cho việc nhập xuất, kiểm tra.

3.1.2. Những khó khăn tồn tại:

Về phân loại nguyên vật liệu

Khối lượng nguyên vật liệu sử dụng ở công ty là rất lớn bao gồm nhiều loại, mỗi loại đều có những tính chất, công dụng, quy cách khác nhau. Do đó việc phân loại nguyên vật liệu một cách khoa học là rất cần thiết. Tuy nhiên công việc này công ty làm chưa tốt.

Công ty chưa lập sổ danh điểm vật liệu để quản lý các loại vật liệu theo từng nhóm, từng loại vật liệu, dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý và công tác kế toán.

Cụ thể: nguyên vật liệu chính bao gồm nhiều loại như thép thỏi, thép tấm, thép đúc...

Thép thỏi lại có rất nhiều loại thỏi kích thước khác nhau SP/PS 120X120X12.000mm, 3SP/PS 140x140x14.000mm.....

Thép tấm lại có nhiều loại tấm bề dày khác nhau phục vụ các yêu cầu như tấm 2.5mx4.5mx2.5mm, tấm 2mx4mx1.5m..

Ngoài ra còn có nhiều nguyên vật liệu khác nữa có tên, chủng loại, quy cách, kích cỡ, khác nhau dẫn đến công tác quản lý nguyên vật liệu về mặt số lượng cũng như giá trị phức tạp.

Về tổ chức chứng từ kế toán:

Hiện nay công ty chưa lập biên bản kiểm nghiệm đối với nguyên vật liệu mua về. Việc không lập biên bản kiểm nghiệm có thể gây ảnh hưởng đến chất lượng vật liệu cũng như chất lượng sản phẩm của công ty.

Về việc áp dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán:

Trình độ khoa học ngày càng phát triển nhưng việc áp dụng công nghệ thông tin ở công ty vẫn còn nhiều hạn chế. Ở đây máy vi tính chưa thực sự phát huy hết vai trò của nó mà khối lượng công việc lại nhiều, việc cung cấp báo cáo số liệu có lúc bị hạn chế. Hiện nay, tại phòng kế toán của Công ty việc ghi chép

sổ sách vẫn còn thực hiện thủ công trên excel. Do đó, quá trình hạch toán có thể dẫn đến nhầm lẫn, mất thời gian và cung cấp thông tin cho quản lý không kịp thời, nhanh chóng.

Về lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Sự biến động của giá cả của các loại hàng hóa trên thị trường ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tuân thủ theo nguyên tắc thận trọng trong kế toán thì việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho nguyên vật liệu của Công ty là rất cần thiết. Vì vậy doanh nghiệp có thể nghiên cứu xem xét để có thể lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo đúng quy định.

Xử lý phế liệu thu hồi còn lãng phí:

Việc quản lý và thu hồi phế liệu sau khi thi công vẫn chưa được Công ty quan tâm đúng mức. Công ty thường xử lý lượng phế liệu là bán ra ngoài chứ không tiến hành nhập kho mặc dù trong đó có nhiều loại có thể tái sử dụng để phục vụ cho những hạng mục tiếp theo. Giá bán phế liệu thường thấp hơn rất nhiều so với giá mua vào, chính vì vậy đối với vật liệu có thể tái sử dụng sẽ làm cho Công ty lãng phí vật liệu khi phải nhập ngoài và vận chuyển cho hạng mục xây lắp tiếp theo.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng

3.2.1. Hoàn thiện công tác phân loại nguyên vật liệu và xây dựng sổ danh điểm nguyên vật liệu.

Đối với công ty có nhiều vật liệu thì việc lập sổ danh điểm vật liệu thống nhất, hợp lý giữa kho và phòng kế toán là việc rất cần thiết. Có sổ danh điểm giúp phân loại vật liệu một cách khoa học hơn và từ đó góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nguyên vật liệu.

Muốn lập được sổ danh điểm thì trước tiên phải phân loại vật liệu theo nhóm. Sau đó trong từng nhóm phân loại chi tiết theo từng loại vật liệu. Nhằm phục vụ yêu cầu quản trị của doanh nghiệp nguyên vật liệu được phân loại như sau:

+ Nhóm Nguyên vật liệu chính: TK 1521: Để tiến hành xây dựng công trình doanh nghiệp phải sử dụng một số lượng lớn các loại vật liệu khác nhau

VD:

Xi măng PC 30 : XM 30

Xi măng PC 40: XM 40

Thép tròn trơn : Thép TT

Thép tròn gai : Thép TG

+ Nhóm Nguyên vật liệu phụ: TK 1522: Là vật liệu chỉ có tác dụng phụ trợ trong sản xuất như que hàn, vôi, ve ...

+ Nhóm Nhiên liệu: TK 1523: là những thứ dùng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình thi công công trình như Dầu Diezen, xăng A92...

+ Nhóm Phụ tùng sửa chữa thay thế: TK 1524: Là các chi tiết, phụ tùng dùng để sửa chữa thay thế cho máy móc và phương tiện vận tải như xăm, lốp, hộp số, bình ắc quy...

+ Nhóm Vật liệu khác: TK 1528: ngoài những vật liệu kể trên

Cùng với việc phân loại nguyên vật liệu như trên thì TK 152 sẽ được tổ chức như sau:

TK 1521: Nguyên vật liệu chính

TK 1522: Nguyên vật liệu phụ

TK 1523: Nhiên liệu

TK 1524: Phụ tùng thay thế sửa chữa

TK 1528: Vật liệu khác

Trong từng nhóm nguyên vật liệu sẽ có từng loại nguyên vật liệu khác nhau. Do vậy TK cấp 2 có thể chi tiết thành TK cấp 3

VD:

TK 1521 – 01: Xi măng

TK 1521 – 02: Thép

TK 1521 – 03: Cát

TK 1521 – 04: Gạch

Để cho dễ nhìn, dễ tìm hiểu giúp cho công việc quản lý nguyên vật liệu được tiến hành cách dễ dàng hơn, công ty có thể xây dựng thành bảng như sau (biểu 3.1)

Biểu 3.1:

SỔ DANH ĐIỂM NGUYÊN VẬT LIỆU

Ký hiệu		Tên vật liệu	ĐVT	Ghi chú
Nhóm/Loại	Danh điểm			
1521		Nguyên vật liệu chính		
1521-01	1521 - 01	Xi măng	kg	
	1521 – 01 HA	Xi măng Hoài Anh	Kg	
	1521 – 02 LS	Xi măng Lâm Sơn	Kg	
	1521 – 03 TN	Xi măng Thanh Nhân	Kg	
			
1521 - 02	1521 - 02	Thép	Kg	
	1521 – 02 TT 06	Thép tròn trơn 06	kg	
	1521 – 02 TT 08	Thép tròn trơn 08	kg	
	1521 – 03 TTG	Thép tròn gai	kg	
	1521 – 03 TL1	Thép 1 ly	kg	
			
1521 - 03	1521 - 03	Cát	Kg	
	1521 – 03 CD	Cát đen	kg	
	1521 – 03 CV	Cát vàng	kg	
			
1521 - 04	Gạch		m	
	15211- 04 GL2	gạch 2 lỗ	m	
	15211- 04 GL4	gạch 4 lỗ	m	
	15211 – 04 GD1	Gạch đinh A1		
			

3.2.2. Hoàn thiện về chứng từ kế toán

Trong môi trường phát triển kinh tế hội nhập hiện ngày nay, cạnh tranh trở thành một yếu tố mang tính chất quốc tế đóng vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của mỗi ngành doanh nghiệp. Đối với một doanh nghiệp thì chất lượng nguyên vật liệu trở thành một trong những chiến lược quan trọng nhất làm tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Chấp nhận kinh tế thị trường là chấp nhận cạnh tranh, chịu tác động của quy luật cạnh tranh. Quan tâm tới chất lượng, quản lý tới chất lượng chính là một trong những phương thức tiếp cận và tìm cách đạt được những thắng lợi trong sự cạnh tranh gay gắt trên thương trường nhằm duy trì sự tồn tại và phát triển của công ty.

Vì vậy công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng nên sử dụng biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm, hàng hóa. Điều này giúp xác định số lượng, quy cách, chất lượng hàng hóa trước khi nhập kho, từ đó làm căn cứ để quy trách nhiệm trong thanh toán và bảo quản.

Biên bản kiểm nghiệm vật tư có thể thiết kế theo mẫu sau: (biểu 3.2)

Biểu số 3.2

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Ngày ... tháng ... năm

Căn cứ HDGTGT ... ngày... tháng... năm... của ... Công ty.....

1. Ông :Đại diện công ty.....

2. Ông :Đại diện công ty.....

3. Ông:Đại diện công ty.....

4. Bà:Đại diện công ty.....

Đã kiểm nghiệm vật tư theo hóa đơn trên để nhập kho:

Stt	Tên nhãn hiệu quy cách vật tư	Đơn vị	Số lượng	
			Theo hóa đơn	Theo thực tế
1				
2				
	Cộng			

Ý kiến của ban kiểm nghiệm :

Biên bản kết thúc hồi ... cùng ngày. Biên bản được thành lập 2 bản, mỗi bên giữ 1 bản có nội dung như nhau.

Đại diện kỹ thuật

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký , họ tên)

Trưởng ban

(Ký, họ tên)

3.2.3. Hiện đại hóa công tác kế toán

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt, công tác quản trị doanh nghiệp đòi hỏi phải có những thông tin một cách đầy đủ và nhanh chóng. Hiện nay, tại phòng kế toán của công ty việc ghi sổ sách vẫn còn thực hiện thủ công trên Exel.

Do đó, quá trình hạch toán có thể dẫn đến sai sót và việc cung cấp thông tin cho quản lý không kịp thời, nhanh chóng. Công ty nên nhanh chóng tiếp cận, ứng dụng máy vi tính vào hạch toán để việc thu nhận, xử lý thông tin kế toán cho quản lý một cách kịp thời chính xác. Để thực hiện được điều này thì trước hết phải có sự quan tâm chỉ đạo của nhà quản lý công ty. Tăng cường đầu tư vốn cho mua sắm thiết bị, lắp đặt chương trình phần mềm kế toán máy. Đối với nhân viên kế toán thì cần phải cố gắng tìm tòi, học hỏi thêm trong lĩnh vực tin học để có thể thực hiện được các công việc kế toán trên máy vi tính một cách dễ dàng và thuận lợi.

Dưới đây là một số phần mềm kế toán công ty có thể sử dụng:

- **Phần mềm Kế toán SAP**

SAP Business One là phần mềm đặc biệt dành cho các doanh nghiệp từ 5 - 100 nhân viên. Phần mềm xử lý tốt các hoạt động kinh doanh – từ hoạch định nhu cầu vật tư (MRP), quản lý kho đến kế toán, mua hàng, bán hàng và phân phối, sản xuất, kho, tài chính và quản lý đội ngũ nhân viên. SAP Business One được thiết kế cho các doanh nghiệp kinh doanh bán sỉ và lẻ, sản xuất lẫn dịch vụ. SAP cam kết phần mềm sẽ được thiết lập và vận hành trung bình từ 6- 8 tuần bởi các đối tác bản địa cùng với các dịch vụ hỗ trợ khác.

Tính năng

SAP Business One quản lý xuất sắc tất cả các phần hành kinh doanh của doanh nghiệp như quản lý mua hàng, bán hàng và phân phối, sản xuất, kho, tài chính, dịch vụ. Nhân viên ở bộ phận kế toán tài chính không chỉ định khoản hạch toán kế toán mà còn có thể lên kế hoạch ngân sách, báo cáo các nghiệp vụ ngân hàng cùng với tỷ giá, thiết lập hệ thống tài khoản kế toán và các báo cáo tài chính, thực hiện các bút toán định kỳ và quản lý tài khoản lương.

Đối với phần hành Quản lý quan hệ khách hàng, có thể quản lý dữ liệu của khách hàng, thảo bảng báo giá, theo dõi hàng bán trả lại, đơn đặt hàng, quản lý tình trạng nhập xuất hàng, tạo bảng giá, quản lý hàng hóa theo số serial và theo dõi hàng tồn kho, lưu giữ thông tin về bảo hành, đồng bộ hoá dữ liệu khách

hàng với Microsoft Outlook, và tạo các báo cáo bán hàng. SAP Business One giúp nhân viên vận hành sản xuất, nhân viên bán hàng và phân phối có thể lập bảng báo giá, cập nhật mức tồn kho, đơn đặt hàng, nhập xuất hàng, hàng bán bị trả lại, điều chỉnh công nợ, và quản lý kế hoạch vật tư và đơn hàng sản xuất.

SAP Business One có thể tích hợp với Microsoft Word, Excel và Outlook. Vì vậy mỗi nhân viên chỉ sử dụng những phần hành mà đã được cấp quyền tương ứng cần thiết cho công việc. Phần mềm sẽ theo dõi tiến trình công việc bằng cách thông báo các nhiệm vụ hoặc lịch hẹn quan trọng thông qua chức năng cảnh báo. SAP Business One hỗ trợ lên đến 25 ngôn ngữ, vì vậy SAP Business One chính là sự lựa chọn tối ưu của các công ty toàn cầu.

Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật

Để vận hành được SAP Business One, chỉ cần một server kết hợp với Microsoft Windows. Ứng dụng có thể chạy trên Microsoft SQL Server and IBM DB2 Universal Database Express Edition. Người sử dụng có thể làm việc trên SAP Business One từ máy tính cá nhân.

Chi phí

Tùy thuộc vào số lượng licence hoặc số lượng người sử dụng sẽ có mức giá tương ứng. Thêm vào đó, doanh nghiệp muốn triển khai phần mềm phải chi thêm chi phí để chuyển dữ liệu hiện có từ hệ thống cũ sang, chi phí đào tạo và điều hành dự án. Tùy theo quy mô doanh nghiệp và các chức năng được yêu cầu, ước chi phí từ 15.000 đến 80.000 Euro tùy theo 3 mức độ triển khai sau:

Triển khai đơn giản

Nếu doanh nghiệp với chỉ 4 người sử dụng, cần phần mềm về tài chính và bán hàng đơn giản và không muốn chuyển dữ liệu từ hệ thống cũ sang. Trường hợp này SAP Business One có thể vận hành chính thức trong vòng 1 tuần.

Triển khai chuẩn

Doanh nghiệp lớn hơn yêu cầu nhiều phần hành như mua hàng, bán hàng, CRM, quản lý kho và kế toán tài chính cùng với 8 quyền sử dụng, import dữ liệu cơ sở từ hệ thống cũ sang. Với việc tích hợp chức năng phân quyền, ứng dụng có khả năng đồng bộ hóa dễ dàng với Microsoft Outlook.

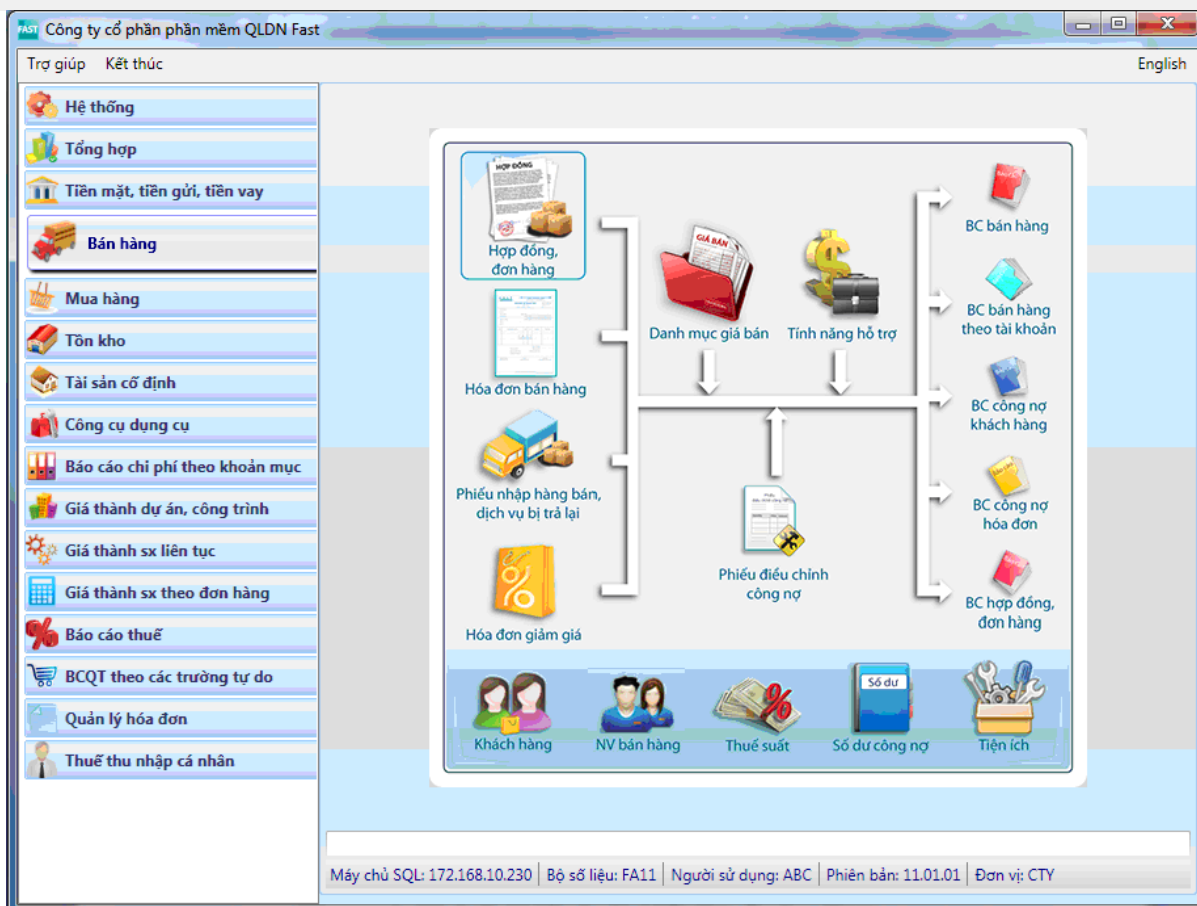
Triển khai phức tạp

Doanh nghiệp có các yêu cầu phức tạp thì chi phí tăng thêm tùy thuộc số phân hệ được triển khai. Các phân hệ như kế toán tài chính, CRM, quản lý kho,

mua hàng, bán hàng, MRP, sản xuất và quản lý nhân sự cùng với 20 quyền sử dụng, thì SAP Business One sẽ được triển khai trong vòng 3 tháng.

• Phần mềm kế toán FAST

Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 8.500 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...



Phần mềm kế toán Fast Accounting có 16 phân hệ:

1. Hệ thống
2. Kế toán tổng hợp
3. Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay
4. Kế toán bán hàng và công nợ phải thu
5. Kế toán mua hàng và công nợ phải trả
6. Kế toán hàng tồn kho
7. Kế toán TSCĐ
8. Kế toán CCLĐ
9. Báo cáo chi phí theo khoản mục

10. Kế toán giá thành dự án, công trình xây lắp
11. Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất liên tục
12. Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn hàng
13. Báo cáo thuế
14. Báo cáo quản trị các trường do người dùng tự định nghĩa
15. Quản lý hóa đơn
16. Thuế thu nhập cá nhân.

Fast Accounting 11 được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet. Đặc biệt Fast Accounting 11 có thể chạy đồng thời dưới dạng ứng dụng windows hoặc ứng dụng web thông qua các trình duyệt phổ biến như Internet Explorer Accounting 11 cho phép chạy trên web-based giúp cho người sử dụng không phải cài đặt phần mềm trên máy tính, chỉ cần truy cập qua địa chỉ trên web, gõ tên và mật khẩu là có thể làm việc bình thường. Điều này đặc biệt thuận lợi khi làm việc từ xa và khi mở rộng thêm văn phòng, chi nhánh, cửa hàng...

- **Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012**

MISA SME.NET 2012 là phần mềm kế toán cho phép doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Cổ đông, Tổng hợp. Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 cập nhật Thông tư 156/2013/TT-BTC quy định sửa đổi các biểu mẫu thuế GTGT, TNDN, TTĐB, Thuế tài nguyên...

Giá: 9,950,000



Phân hệ Mua hàng trong MISA SME.NET 2012 giúp doanh nghiệp quản lý chi tiết tình hình mua hàng: số lượng và giá trị của từng mặt hàng, tình hình trả lại, giảm giá cũng như công nợ phải trả, đã trả cho từng hóa đơn, từng nhà cung cấp. Đồng thời, trợ giúp các nhà quản trị thông qua hệ thống các báo cáo mua hàng, công nợ phải trả (theo nhà cung cấp, theo hóa đơn)...Theo em, công ty nên chọn phần mềm Misa vì giá cả hợp lý.

3.2.4. Hoàn thiện việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Sự biến động về giá cả của nguyên vật liệu trên thị trường ảnh hưởng rất lớn tới tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Tuân thủ nguyên tắc thận trọng trong kế toán thì việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho ở công ty là rất cần thiết.

Công việc dự phòng được tiến hành như sau: dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi vào cuối niên độ kế toán khi lập báo cáo tài chính.

- Việc lập dự phòng giảm giá được tính cho từng loại vật liệu và được thực hiện thống nhất trong công ty.

- Theo thông tư 228/2009/TT – BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 “ Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa công trình xây lắp tại doanh nghiệp ” Cuối kỳ kế toán khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá trị gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

- Cuối niên độ kế toán phải hoàn nhập toàn bộ các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối niên độ trước và lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho đến cuối niên độ tiếp theo. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được phản ánh ở tài khoản 159:

+ Bên Nợ: giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

+ Bên Có: giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

+ Số dư Có: giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ

- Mức trích lập dự phòng tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá vật tư hàng hóa} = \text{Lượng vật tư hàng hóa thực tế tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính} \times \left[\begin{array}{l} \text{Giá gốc hàng tồn kho theo sổ kế toán} \\ \text{Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho} \end{array} \right]$$

Ví dụ : Cuối năm 2013 giá thép 1 ly trên thị trường chỉ còn 15.700 đồng/kg. Trong kho đó giá ghi sổ của công ty là 16.157 đồng/kg, trong kho còn dự trữ 9.150 kg khi đó công ty cần lập dự phòng giảm giá cho lượng nguyên vật liệu này.

Mức giảm giá thép 1 ly : 16.170 – 15.700 = 470 đồng /kg

Mức trích lập dự phòng: 470 (đồng) x 9.150 (kg) = 4.300.500 (đồng)

Việc lập dự phòng giảm giá được tiến hành riêng cho từng loại nguyên vật liệu và được tổng hợp vào bảng kê dự phòng giảm giá nguyên vật liệu. (Biểu số 3.3)

Biểu 3.3:**Bảng kê dự phòng giảm giá nguyên vật liệu**

Năm 2013

Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng	Đơn giá ghi sổ	Đơn giá thực tế	Mức chênh lệch	Mức dự phòng
Thép 1 ly		Kg	9.150	16.170	15.700	470	4.300.500
Thép 2 ly		kg	6.210	17.570	17.070	500	3.105.000
Thép 3 ly		kg	3.849	18.100	17.700	400	1.539.600
Cộng							8.945.100

Kế toán định khoản :

Nợ 632: 8.945.100

Có 159: 8.945.100

Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên rồi từ đó vào sổ Nhật ký chung và sổ cái TK 159,632.

3.2.5 Xử lý phế liệu thu hồi

Công ty nên chú tâm hơn đến việc thu hồi và xử lý phế liệu sau khi thi công. Để tận dụng được nguồn phế liệu này thì Công ty nên giao việc thu hồi, phân loại và xử lý cho một bộ phận riêng biệt quản lý, bộ phận này có thể theo dõi cả phần nguyên vật liệu dùng không hết, theo đó phế liệu sẽ được phân loại ra nếu không còn giá trị sử dụng sẽ được bán thanh lý, nếu có thể tái sử dụng thì sẽ tái nhập kho cùng với vật liệu thừa sử dụng không hết để sử dụng cho thi công những phần tiếp theo, như vậy sẽ vừa tiết kiệm chi phí vật liệu vừa tiết kiệm cho phí vận chuyển. Và kế toán nguyên vật liệu sẽ phải hạch toán thêm bút toán nhập kho vật liệu thừa và phế liệu như sau:

Nợ TK 152 (Phế liệu): giá trị vật liệu hay phế liệu nhập kho

Có TK 154 (Chi tiết công trình): ghi giảm chi phí tính giá thành công trình

KẾT LUẬN

Qua thời gian tìm hiểu thực tế Công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng, em nhận thấy rõ sự quan trọng và tầm ảnh hưởng to lớn của kế toán nguyên vật liệu tới quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Hạch toán nguyên vật liệu là công cụ đắc lực giúp cho lãnh đạo công ty nắm bắt được tình hình và chỉ đạo sản xuất cũng như việc lập kế hoạch thu mua, sử dụng và chi tiêu nguyên vật liệu thích hợp, từ đó có ý nghĩa đến việc hạ giá thành công trình và tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Như vậy có thể thấy kế toán nguyên vật liệu đóng vai trò quan trọng là nhu cầu tất yếu trong công tác quản lý. Công tác kế toán nguyên vật liệu cần được quan tâm đúng mức, luôn được hoàn thiện và đổi mới.

Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng được sự chỉ bảo tận tình của các Cô Chú, Anh Chị trong phòng Tài chính-Kế toán, giáo viên hướng dẫn, em đã có những nhận thức nhất định về kế toán trong doanh nghiệp, đã nêu lên những ưu điểm tồn tại trong công tác quản lý, hạch toán nguyên vật liệu của công ty và mạnh dạn đề xuất những ý kiến với mong muốn công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu của công ty không ngừng hoàn thiện và ngày càng phát huy những điểm mạnh, hạn chế những khuyết điểm của mình.

Tuy nhiên, do trình độ và thời gian còn nhiều hạn chế, công tác quản lý hạch toán nguyên vật liệu là công tác phức tạp nên bài luận văn này chỉ mới đi vào một số vấn đề chủ yếu và còn nhiều thiếu sót. Em mong sẽ nhận được những ý kiến đóng góp của thầy cô để chuyên đề của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các thầy cô cùng các cô chú công ty TNHH xây dựng & thương mại Huy Dũng.

Em xin trân trọng cảm ơn!